

SANG TẠO

THÁNG GIÊNG 1957

BIÊN KHẢO :

NGUYỄN SỸ TẾ. . . . Thần trí và hồn tính dân tộc Việt Nam
THÁI TUẤN Siêu thực và ấn tượng
TÔ KIỀU NGÂN. Khảo về hò Huế
TRẦN QUỐC SỸ Một nền Đại Học Việt thuần túy
THẠCH ĐẠCH Ca dao miền Nam

SÁNG TÁC :

TRẦN THANH HIỆP. Hai lần nhìn một Calcutta
TẠ TỶ Thu trên đất Lào

THƠ TỰ DO :

THANH TÂM TUYỀN — NGUYỄN SA
TÔ THÙY YÊN — TRẦN THANH HIỆP

VẤN ĐỀ VĂN HỌC :

NGUYỄN SA. Cái chết của người thi sĩ
TRẦN VĂN HIỂN MINH Vấn đề thống nhất ngôn ngữ

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

DUY THANH : TRIỂN LÃM HỘI HỌA VÀ SƠN MÀI DO HỘI VĂN
 HÓA VIỆT NAM TỔ CHỨC — **HÀM THẠCH :** SỢ LỬA của **DOÃN**
QUỐC SỸ — TRẦN LÊ NGUYỄN : KỊCH: TỪ NƯỚC NGOÀI ĐẾN NƯỚC
 MÌNH — **TRƯỜNG GIANG :** GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG 1956 —
 HỘI LIÊN HIỆP NHỮNG NHÀ VĂN TỰ DO — GIẢI THƯỞNG NGHỆ
 THUẬT QUỐC TẾ LẦN THỨ 28 TẠI VENISE.

CHỦ TRƯỞNG BIÊN TẬP :

MAI THẢO

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ XUẤT BẢN HÀNG THÁNG
 TÒA SOẠN VÀ TRỊ SỰ: 133B, KÝ CON—SAIGON

NỘI DUNG SỐ NÀY :

		Trang
NGUYỄN SỸ TẾ	THẦN TRÍ VÀ HỒN TÍNH DÂN TỘC	1
TRẦN THANH HIỆP	HAI LẦN NHÌN MỘT CALCUTTA .	9
TRẦN VĂN HIỂN MINH	VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT NGÔN NGỮ	15
THÁI TUẤN	SIÊU THỰC VÀ ẮN TƯỢNG	17
NGUYỄN SA	CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI THI SĨ. . .	24
DOÃN QUỐC SỸ	XÂY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TÚY.	29
THÁI BẠCH	CA DAO MIỀN NAM	35
TÔ KIỀU NGÂN	KHẢO VỀ HỒ HUẾ	43
TẠ TỶ	THU TRÊN ĐẤT LÀO	49

THƠ TỰ DO :

NGUYỄN SA (trang 6, 7, 8) TÔ THUY YÊN (trang 14)
 THANH TÂM TUYỀN (trang 23) TRẦN THANH HIỆP (trang 42)

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ :

DUY THANH : TRIỂN LÃM HỘI HỌA VÀ SƠN MÀI DO HỘI VĂN HÓA VIỆT NAM TỔ CHỨC (trang 52) *HÀM THẠCH* : SỢ LỬA của *DOÃN QUỐC SỸ* (trang 53) *TRẦN LÊ NGUYỄN* : KỊCH : TỪ NƯỚC NGOÀI ĐẾN NƯỚC MÌNH (trang 56) *TRƯỜNG GIANG* : GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG 1956 (trang 53) HỘI LIÊN HIỆP NHỮNG NHÀ VĂN TỰ DO (trang 54) GIẢI THƯỞNG NGHỆ THUẬT QUỐC TẾ TẠI VENISE (trang 55).

Thê lệ mua báo dài hạn :

*Giá báo : 1 năm 65\$00 — hai năm 120\$00
 kể cả cước phí. Hạn mua báo ít nhất là
 một năm và trả tiền trước.*

Thư từ và bài vở gửi cho : **MAI THẢO**
 Tiền bạc và ngân phiếu cho : **ĐẶNG LÊ KIM**
 TÒA SOẠN — TRỊ SỰ : 133B, KÝ CON — SAIGON

SÁNG TẠO

Tạp chí Văn nghệ xuất bản hàng tháng

THẦN TRÍ VÀ HỒN TÍNH CỦA DÂN TỘC VIỆT NAM

NGUYỄN SỸ TẾ

CÓ một thực-thể không ai phủ-nhận : mỗi dân tộc có một thần-trí và một hồn-tính riêng. Thần trí và hồn tính đó được hun-dúc trong những điều kiện lịch sử, văn hóa, chính trị, xã-hội, kinh-tế... riêng, ngày một thêm phong phú vững bền, và biểu lộ ra dưới muôn hình-thức phức-biệt của cuộc sinh-hoạt vật chất luân-lý và tinh thần hằng ngày.

Giao-tế với dân Việt-Nam người ta có thể gặp những cử-chỉ, những thái-độ lạ lùng khó hiểu, đọc văn-chương Việt-Nam người ta thấy đầy rẫy những ý-tình tưởng chừng như mâu thuẫn nhau. Song le nếu đi sâu vào cái thần-trí và hồn-tính của dân-tộc Việt Nam, lúc đó người ta sẽ thấy rằng những điều lạ lùng, mâu thuẫn trên chỉ là một chuyện thuận thường vậy.

Đâu là thần trí và hồn tính Việt Nam ? — Trước hết hãy xin xét nguyên nhân cấu tạo.

Lãnh thổ Việt Nam thuộc vào một bán đảo ven Thái-Bình-Dương nối liền hai khối đồ sộ của lục-địa Á châu là Ấn Độ và Trung Hoa. Tựa lưng vào lục địa, mở rộng trên đại dương, với vị trí riêng nước Việt Nam chịu-chế độ gió mùa, bốn thời đổi thay xuân qua hè tới từ cực lạnh qua cực nóng.

Cho mãi tới ngày nay, nền kinh-tế quốc gia vẫn là nền kinh tế nông nghiệp thô sơ, dựa trên những kinh-nghiệm cổ truyền. Người dân quê làm ăn vất vả, một nắng hai sương đổi bát mồ hôi lấy bát cơm, sớm nhận biết giá trị của cần lao, luôn luôn sống giữa lòng thiên-nhiên mà

những mái tranh nghèo, hàng đậu thưa không ngăn cách nổi, nhịp đời vui buồn hòa với nhịp thịnh suy của cỏ-cây non-nước.

Lịch sử Việt Nam là lịch sử của một dân tộc pha-trộn, từ lục-địa tìm xuống đại dương, là lịch sử của một tiểu nhược quốc luôn luôn bị đe dọa trong nền độc lập và thống nhất của nó. Kể từ khởi thủy, quốc gia Việt-Nam đã nhiều phen chịu phận dày vò của ngoại bang: những thời Bắc-thuộc Trung Hoa kéo dài tới hàng ngàn năm; dân Chiêm Thành luôn luôn khuấy nhiễu miền Nam và có lần đã kéo quân ra sát tận Thăng Long, tám mươi năm nô lệ nước Pháp mới đây... Những trang lịch sử đấu tranh và va chạm ! Một dân tộc «nạn nhân» dẻo dai và kinh nghiệm !

Trước khi tiếp xúc với Tây phương, Việt Nam vốn là một sân-khấu giao-động của hai trào lưu văn-minh ít nhiều đối lập nhau, thuộc hàng ngũ của những nền văn minh cũ nhất của trái đất : văn minh Trung Hoa và văn minh Ấn-Độ. Hai luồng văn hóa đó biến sắc đi và ghép vào cái nền tảng văn minh cổ hữu của dân tộc Việt. Kịp khi Tây phương đặt chân lên xứ này, Việt Nam lại là nơi giao-động của hai nền văn-hóa Đông-Tây. Lịch sử văn hóa Việt Nam là lịch sử của hai cuộc giao động đó, hai cuộc giao động tuy không cân xứng nhau về thời gian, nhưng thực đã mạnh mẽ không kém nhau.



Cho nên, trải qua bao thử thách đau thương, dự kiến bao cuộc đổi thay vô thường, luôn luôn phải gia công cứu quốc và kiến-quốc trong những điều-kiện ngặt nghèo và tương phản, dân-tộc Việt Nam đã có được một thần-trí và hồn-tính đặc biệt.

Thần-trí và hồn-tính đó là thần-trí và hồn-tính điều-hòa, vững-vàng, mà sau đây là những khía cạnh và biểu lộ chính.

Phần vì hoàn cảnh thúc đẩy, phần do đầu óc rộng rãi cổ hữu, người Việt Nam sẵn sàng đón nhận những tinh hoa của nhân loại. Nhưng nếu như để cho du-nhập dễ dàng những tư-tưởng ngoại lai, thì một mặt khác dân tộc Việt Nam lại có một sức-mạnh tinh-thần hùng-hậu để chống đối lại mọi mưu mô đồng hóa của ngoại bang. Những cuộc kháng Bắc đui Chàm, chống Pháp là sự cần thiết lịch sử và đồng thời là sự thành công của dân tộc. Sức chống đối lại mọi cuộc đồng hóa đó là do ở nỗ lực thích nghi những điều du nhập với hoàn cảnh lịch sử và xã hội quốc gia, và do ở nỗ lực song song gây dựng một cái gì cá biệt của Việt Nam dựa trên những cái hiện có và những cái mang lại từ ngoài.

Cho nên không thể nói nhất đán rằng văn học Việt Nam là Khổng, Phật, Lão hay Descartes được. Văn học Việt Nam chỉ là văn học Việt

Nam nghĩa là trước riêng mình, sau có và không tất cả của người ngoài.

Người Việt Nam rất cần tiến, rất chuộng mới nhưng đồng thời vẫn biết quý trọng và bảo tồn cô-điền. Không cố chấp khước từ một học thuyết nào, nhưng người Việt Nam cũng không vội vàng chạy theo và câu nệ vào một học-thuyết nào. Xưa kia, chừng nào cuộc sống của gia đình và quốc gia cần tới sự thực hiện những giáo lý của Khổng Phu Tử thì người Việt Nam tha thiết với Mạnh Tử Nhan Hồi, nhưng chừng nào cuộc sống tâm linh không cần tới hệ thống tư tưởng của thầy đồ nước Lỗ nữa thì lúc đó người Việt Nam lại biết tìm đến với những học thuyết tự do, phóng khoáng của Lão Trang. Do đó không có thể lấy một học thuyết đơn thuần nào mà mong đàn áp được dân tộc Việt Nam. Và cũng do đó người Việt Nam có một thái độ sống trầm lặng và hiền triết, không đánh giá quá cao cuộc đời mà cũng không quá hạ thấp cuộc đời.

Chúng ta đã thấy người bình dân thành kính theo Khổng, theo Phật song vẫn hồn nhiên đùa rỡ với Trời với Phật và không ngại ngần làm nên những câu vè, câu ca đề chế riếu những người quân tử hư hỏng cùng bọn tăng lữ tham lam.

Trong văn chương bác học, bên cạnh những ý tình khuôn nhíp theo giáo lý của Khổng Phu Tử chúng ta vẫn thấy chủ trương của các triết gia đối lập Lão Trang thúc đẩy văn thơ của các vị túc nho, các bậc làm việc đời như Nguyễn Trãi, Lê thánh Tôn, Nguyễn bỉnh Khiêm, Nguyễn công Trứ và cả đến Dục Tôn trong cương vị một ông vua nữa :

— Dù nhân chê khen, dù miệng thề
Cơ màu tạo hóa mặc tự nhiên.

(Nguyễn bỉnh Khiêm)

— Ôi nhân sinh là thế ấy như bóng đèn
Như mây nổi, như gió thổi như chiêm bao

(Nguyễn công Trứ)

— Sự đời ngẫm nghĩ, nghĩ mà ghê
Sống gửi rồi ra lại thác về!

(Dục Tôn)

Vốn đặt và nhìn cuộc đời trong bình diện trung thực của nó, người Việt Nam hầu như dung hòa được những mối mâu thuẫn của sự vật.

Thật thế trong vấn đề vật chất với tinh thần người Việt Nam không quá khinh mà cũng không quá trọng bên nào. Có thể nói rằng người Việt Nam biết đến giá trị của vật chất một cách sâu cay hơn ai hết, phải đòi bát mồ hôi lấy bát cơm trong một nền kinh tế nghèo nàn đến phi-

nhân, nhưng một khi bát cơm đã kiếm được lúc đó, người Việt Nam lại biết tìm vươn lên khỏi hình hài đến những cõi phi vật chất. Sau một thực thể phôi bày người Việt Nam vẫn tiến tưởng ở giá trị của một siêu thực thể mà họ cố tiến tới. Cho nên, nếu chỉ tìm cách thỏa mãn những nhu cầu vật chất của người Việt Nam là người ta chưa giải quyết vấn đề Việt Nam vậy.

Không ai phủ nhận rằng văn chương bình dân Việt Nam là phản ánh của cuộc sinh hoạt vật chất tối tăm, cuộc tranh đấu gắt gao lấy miếng cơm manh áo, cuộc chống đối với cường quyền, với thiên nhiên với bao trở lực khác :

*Lấy gì dâng nạp nữa mà
Lấy gì công việc nước nhà cho đang
Lấy gì sưu thuế phép thường
Lấy gì bỏ chợ đóng lương làm ăn*

Nhưng người ta lại cũng không thể quên được cốt tính trữ tình và ý thức siêu thoát thấm nhuần biết bao bài ca dao :

*Trên trời có đám mây xanh
Ở giữa mây trắng chung quanh mây vàng
Ước gì anh lấy được nàng
Đề anh mua gạch bát tràng về xây !*

Trong khi ở Tây phương, những chuyện giao tế giữa cõi đời này và đời khác được coi như những chuyện là hiếm hoi; thì ở Việt Nam những cuộc đi lại thăm-thiết giữa cõi Trần, cõi Tiên và cõi Âm chỉ là những chuyện thường xuyên không làm ai ngỡ ngàng. Đó là những chuyện thần thoại, những chuyện cổ tích, những chuyện ma quỷ mà người Việt Nam kể lể cùng nhau hàng ngày trên đầu giường : Sơn Tinh — Thủy Tinh, Trọng Thủy—My Châu. Chử Đồng Tử, Trương Chi, Trầu Caô, Vọng Phu v. v... Và riêng chuyện giữa cõi trần và cõi tiên cũng làm nên luận đề của bao nhiêu tác phẩm kỳ thú : Thiên Thai, Bích Câu...

Ta có thể kéo nhiều thí dụ tương tự. Trong cuộc sống, người Việt Nam biết điều hòa lý trí với tình cảm : văn chương cử nghiệp và đạo lý là văn chương của lý-trí, mà văn chương đời vẫn là văn chương của tình cảm, của cá nhân. Đối với cường quyền, người Việt Nam không khiếp sợ, những đối với kẻ sa cơ thất thế cũng không khinh và đôi lúc còn xót thương.... Thoạt mới nhìn người ta tưởng dân Việt Nam lãnh đạm thô lỗ và nông cạn nhưng có giao tế lâu mới biết người Việt Nam trái lại thiết tha, tế nhị và sâu sắc. . .

Để kết luận, chúng ta có thể nói rằng:

—Vì hoàn cảnh đặc biệt, sinh hoạt và trưởng thành trong những điều kiện phức tạp, khắt khe và tương phản, dân tộc Việt Nam có một thần-trí và hồn-tính điều hòa vững vàng đưa đến một thái độ sống hiền triết, trầm lặng, cân bằng, thận trọng.

Nếu như thần trí và hồn tính đó không giúp dân tộc Việt Nam bay bổng cao xa, thực hiện những phát-minh lớn-lao siêu-việt, nắm-giữ những địa vị dẫn đầu các dân tộc, thì thần trí và hồn tính đó cũng đã bao phen cứu dân tộc Việt Nam khỏi những cơn tai biến tày trời, non nước ngả nghiêng, họa tiêu diệt chỉ còn gang tấc.

Thiết tưởng đó cũng là một điều đáng cho người ngày nay suy-ngẫm vậy.

NGUYỄN SỸ TẾ

TÔI SẼ SANG THĂM EM

Tôi sẽ sang thăm em
 Để những mớ tóc màu củi chưa đun
 Màu gỗ chưa ai ghép làm thuyền
 Lùa vào nhau nhóm lửa

Tôi sẽ sang thăm em.
 Để những ánh mắt màu sao sáng tỏ
 Hay đôi mắt màu thóc đang say
 Màu vàng khô pha lẫn sắc nâu gầy
 Để nhớ những ngày còn là lúa
 Để lệ trắng như gạo mềm rơi trên tay

Phải tôi sẽ sang thăm em
 Để tình yêu đừng chua cay
 Để tình yêu là sóng
 Một giòng sông gặp gỡ giòng sông

Tôi sẽ sang thăm em
 Dù có một nhịp cầu mới mở
 Nhưng chỉ để hành quân
 Tôi vẫn sang thăm em
 — Ngay hôm nay —
 Chờ ngày mai có thể
 Chúng mình sẽ xa nhau
 Chúng mình sẽ thù nhau
 Chúng mình sẽ nhìn nhau bằng đôi mắt người đàn bà
 có tuổi

Và giòng sông có thể dài thêm nữa với
 Bờ sông không đuổi kịp giòng sông
 Nhịp cầu đổ gãy
 Và chúng mình
 Với bốn bàn tay chết đuối
 Trên bờ sông
 Như người đàn bà suốt đời thai nghén.
 Phải không em ?

Paris 1953

NƯỚC NGỌT

Tôi viết cho người có đôi môi khô
 Vì quen sống giữa một trần gian nước mặn
 Giữa một kiếp sống nhá nhem
 Nên đời người sờ soạng
 Giữa những hố hầm cách bức
 Nên những bàn tay đóng cửa những bàn tay
 Tôi viết cho người
 Vì tôi ngại ngày mai
 Người sẽ phải ghen với cả những bàn tay lá cây
 Giữa gió mùa xuân đang mừng đang tủi
 Vì tôi ngại
 Khi thời gian không còn chấp nối
 Người sẽ ngỡ ngàng
 Khi cả những bàn tay hành khát
 Mở linh hồn cho lại những yêu thương
 Phải tôi ngại
 Sóng sẽ đánh băng ngang
 Chẻ vỡ lòng thuyền
 Và lòng những con người không chứa đựng
 Nên tôi van người
 Hãy chịu khó đa mang
 Không phải tôi sợ những chấn song dài
 Hay những nan lồng mắt cáo chằng ngang
 Nhưng tôi phải khóc
 Khi những mắt người
 Đan thành những lần phen mắt cáo
 Nên tôi van người
 Hãy chịu khó đa mang
 Tôi sẽ xin làm thơ
 Để dâng người lấy nửa giòng nước ngọt
 Để ngày mai giữa mùa xuân lá lứt
 Tôi sẽ hái
 Giữa đám mây ngũ sắc của cầu vồng
 Lấy một màu cho em dệt áo

TIỀN BIỆT

Người về đêm nay hay đêm mai
 Người sắp đi chưa hay đi rồi
 Muôn vì, hành tinh rung nhẹ nhẹ
 Hay ly rượu lùn run trên môi ?

Người về trên một giòng sông xanh
 Trên một con tàu hay một ga móng mênh
 Sao người không chọn sông vắng nước
 Hay nước không nguồn cho sông đi quanh ?
 Sao người đi xấu vào không gian trong
 (Bức tường vô hình nên bức tường giấy mênh móng)
 Và sao lòng tôi không là vô tận
 Cho gặp gỡ những đường tẩu đi song song . . .

Người về chiều nắng hay đêm sương
 Người về đồ giọc hay đồ ngang ?
 Câu thơ sẽ là lời hò hẹn
 Nhưng nói làm gì — Tôi xin khoan
 Nhưng người về đâu, người về đâu
 Để nước sông Seine bờ ngõ chảy quanh cầu
 Sao người không là ụ sao nhỏ
 Để cho tôi nhìn trong đêm thâu ?

Sao người không là một cung đàn
 Cho lòng tôi mềm trong liếng than,
 Khi trăng chảy lạnh từng chân tóc
 Khi gió xe trùng muôn không gian
 Sao người không là một con đường
 Sao tôi không là một ga nhỏ
 Mà cũng có những giờ gặp gỡ
 Cũng có những giờ chia tan ?

Người về lòng tôi buồn hay lòng tôi vui ?
 Áo không có màu nên áo cũng chưa phai
 Tôi muốn hỏi thăm người rất nhẹ :
 Tôi đưa người hay tôi đưa tôi ?

Paris 1954

NGUYỄN SA

HAI LẦN NHÌN MỘT CALCUTTA

TRẦN THANH HIỆP

DƯỚI phi cơ Calcutta xuất hiện từ lúc nào. Những chấm sáng như sao họp hội đêm chen chúc lấp lánh, cắt một khoảng bát ngát của không gian đen đặc. Hai giờ khuya. Calcutta hình như còn đứng một mình trong đêm.

Phi cơ hạ thấp dần. Ánh điện tan vào trong lớp sương đêm ném lên không trung một làn mây mỏng nhẹ. Đèn màu bay lượn, bất chợt để lộ những tòa nhà cao ngất. Phi cơ đi sâu vào hệ thống ánh sáng của Calcutta. Không còn cái cảm giác chơi vơi nữa. Calcutta đây rồi, liền sát với mấy chiếc bánh xe lăn êm êm trên nền xây. Tiếng động cơ nhỏ dần rồi im hẳn. Dây đèn tím, vàng cam phủ kính, thấp thoáng dưới những ngọn lá cỏ lay động với làn gió đêm. Cánh cửa mở ; không khí của phi-trường ủa vào phá loãng hơi ẩm áp vẫn ấp ủ hành khách.

Bước xuống thang, tiếp nhận Calcutta bằng một ngọn gió lành lạnh. Phi trường im lìm. Một đợt ánh sáng đèn pha tỏ mờ tỏa dài từ chiếc chòi phi-trường, nghiêng ngả khắp các phía.

Người nữ chiêu-dãi-viên đợi sẵn ở cuối thang. Một ý-niệm tốt đẹp, đầy thiện cảm về Calcutta. Qua đôi mắt, qua hình dáng và qua giọng nói. Chuyển máy bay đêm đỗ xuống ít hành khách.

Phòng đợi phi trường Dum Dum vắng ngắt. Cảnh trang-trí không gợi liên tưởng đến Tân-Sơn-Nhất. Màu và hình khác biệt. Calcutta được chờ đợi từ phút này.

Chiếc xe hơi của hãng Air France rời phi trường, mang theo hành khách và hành lý, tiến về ngã phố.

Calcutta ngủ yên giấc từ lâu. Chiếc xe thông dong tự do xử dụng mặt đường. Phi-trường Dum Dum được nối liền với thành phố Calcutta bằng một vùng ngoại ô cũ kỹ. Những mái nhà thấp chen nhau khoảng đất lề đường, phơi bày bộ mặt thô vụng với những hàng chữ ngoằn ngoèo. Chưa có những dấu hiệu của một thành phố quốc tế.

Chiếc xe đã tiến dần vào các đại lộ. Hai đường tàu điện dài song song. Nhà đột nhiên lớn hẳn, xếp nhiều tầng. Calcutta phút này vẫn buồn tẻ. Ánh điện hừng hờ ném xuống những tia sáng trắng xanh, soi rõ từng đám người nằm co ro. Nền hè và gốc cây là giường của người và của bò. Không cách biệt. Người vật, cây cỏ lẫn lộn. Mọi hòa đồng không còn ở trên lĩnh vực triết học, nó hiển hiện khắp hè phố Calcutta. Nó quen thuộc Calcutta từ những ngày nào và không ai muốn thắc mắc tìm hỏi tại sao nó phát sinh và tồn tại.

Giờ khuya Calcutta vắng lạnh, đặc biệt ở những giấc ngủ yên ổn của người và của bò trên khắp vỉa hè. Thế thôi.

Chiếc xe vẫn đi sâu vào đêm và lòng thành phố. Thỉnh thoảng dừng lại mấy phút trước khách sạn, giao gửi một người khách trọ, được tiếp đón bằng một người bồi phòng im lìm trong lần chần quẩn, đôi mắt long lanh. Và khi cửa sắt rít lên khép kín thì xe lại nổ máy chuyển bánh phá vỡ niềm im lặng gần như toàn vẹn của một thành phố đông đúc bậc nhất của Ấn-Độ.



Calcutta quen đây rất muộn. Im lặng của ban đêm còn được kéo dài; Calcutta thiếu thứ tiếng nói của những thành phố dậy sớm. Đèn tắt rồi và mặt trời đã lên cao, hiện từ sau lớp sương. Im lặng yếu dần, và trở thành gần như tro trên dưới những tia nắng không gắt nhưng phủ. Calcutta uể oải tỉnh giấc, rất lâu sau bình minh.

Đường phố ướt một lượt nước, thanh toán những rác bụi của một ngày đã qua. Mặt đại lộ óng ánh như vừa nhận một

con mưa vào thu. Sáng Calcutta có thứ lạnh lạnh của những đêm Sài Gòn.

Tiếng động quen thuộc đầu tiên của Calcutta đã kết liễu phút hấp hối của im lặng. Ngày Calcutta bắt đầu hiện đủ, để lộ một Calcutta khổng lồ. Đêm hôm qua, bóng tối che dấu nhiều, những thân người nằm ngủ với bờ trên bờ hè đã giới thiệu một Calcutta không thiện cảm. Nhưng lúc này Calcutta mở rộng các ngã đường thông thang đón nhận. Và Calcutta cũng không muốn cho ai coi thường mình.

Có một giọng hát đi lang thang ngoài phố, chơ trên đôi môi của một thân hình lam lũ, đen xám. Nhưng mà là một người đàn bà. Mảnh vải trắng ngã thành xám chạy suốt đầu đến chân. Tiếng hát vang ngập phố, bay lên cao, lọt qua từng cửa sổ. Tiếng hát trấn áp hết, giữ những gót chân lại trên đường đi. Người hành khất ấy đang hát, như trong một hí viện. Đôi bàn tay gầy guộc cử động uyển chuyển, không cốt để cầm tiền bố thí mà để đón nhận nhịp điệu của vũ trụ, phứt đó đang rung động trong cặp mắt đen thẳm kia. Tiếng hát tha thiết, kể lể, có lúc cao vút muốn vươn tới tầng chót của tâm hồn, có lúc trầm trầm lắng xuống một hơi thở nghỉ ngơi suy tưởng ở những đáy tầng sâu kín nhất. Tiếng hát lúc nào cũng như mới bắt đầu và cũng không lúc nào báo hiệu sắp ngừng. Nó giữ đều đều một ngọn lửa sống bền dẻo, không bùng bùng nhưng không leo lắt.

Người ta vẫn nói người dân Ấn-Độ mang trong mình nhịp điệu của Ấn-Độ. Và người ta có thể bắt gặp nhịp điệu ấy ngay ở điệu hát của người hành khất, phiêu diêu như cuộc hành trình của Thần Shiva, thắm thiết như khúc tình ca, thành kính như lời tán tụng, huyền bí như vận-chuyển của vũ trụ. Người hành khất ấy của Calcutta không mang một tâm hồn hành khất nhưng một tâm hồn Ấn-Độ và một chiếc dạ dày lép kẹp.

Nắng đã trải đều khắp thành phố. Calcutta giờ ấy mới sống thật thụ và đúng sức. Người ta nếu đã chờ đợi lúc đó có thể bước vào đúng Calcutta.

Người và xe cuộn cuộn khắp ngã. Bờ hè dường như hãy còn hẹp để nhận làn sóng người chen nhau mà đi. Họ tràn cả xuống đường.

Phố Calcutta không tươi, nhuộm một thứ màu xám xám.

Đàn bà đi lại thưa thớt. Họ ở nhà. Hay đăng cấp ngăn giữ họ ở lại làng. Phố Calcutta là phố của đàn ông.

Nhưng phố Calcutta cũng còn là phố của người nghèo. Rải rác khắp gốc cây, bậc thềm, mái hiên, chân tượng. Họ như những đồ vật biết cử động bị bỏ quên ở ngoài phố. Họ làm bối cảnh cho bức họa Calcutta.

Xe của Calcutta thật nhiều. Phố Calcutta triển lãm xe cộ. Những chiếc kiểu cuối cùng lộng lẫy như một tòa lâu đài lưu động vẫn đi song song với những chiếc đã mấy chục tuổi, thô phỉ phò. Có xe bò thật và có xe bò người. Chiếc vai bò nhô cao, chiếc lưng người gần như gấp đôi. Vó ngựa thong dong đập xuống mặt đường, nhịp nhàng quay những bánh xe song mã. Người phu xe kéo không biết an phận, rứt cổ giữa hai chiếc càng, dài bước. Tàu điện nối đuôi nhau đi về.

Tất cả người và xe đã cho Calcutta một thứ tiếng nói rì rầm mà áp âm là những tiếng còi xe khàn khàn cuộn trong mấy vòng ống đồng. Những tiếng còi cũ kỹ, có lúc mệt nhọc, hồn hển.

Phố Calcutta còn là phố của bò. Không có luật đi đường với bò. Người chăn bò hình như không được biết tới cả giòng xe thường bị ngưng trệ, chờ đợi mấy bà bò đứng đỉnh qua đường hay đứng dừng lại giữa đại lộ, ngo ngác. Bò có thể nằm dài nghỉ ngơi trên vỉa hè, đuôi ve vẩy vô tư.

Phố Calcutta còn đưa tới một chiếc cầu hai nhịp. Qua nhánh Hougli sông Hằng mang về những hương vị của Himalaya. Giòng nước lặng lẽ ấy ở nhiều miền được chờ đón như giòng nước thánh, gột sạch những tội lỗi cho kiếp người. Nhưng với Calcutta, nhánh Hougli của sông Hằng là mạch máu. Những con tàu cuộn khói qua hồi còi giòng thò lúc rẽ sóng rời bến ra khơi. Những con tàu xa đến buông neo ngã cầu. Ngánh trục khăng khiu quay lượn, nặng trĩu hàng hóa. Mấy chiếc thuyền tam bản bò trên mặt nước. Ở đây là một Cửa-Long của Nam Vang, một cửa Cấm của Hải-Phòng, một Hồng Hà của Hà-Nội, mà chính là Thương-Cảng Calcutta. Rộn ràng những chuyến đi về.

Nếu tình cờ nào đưa tới nhà ga là đã mở thêm một ngõ vào sâu Calcutta. Có những người say mê xê-dịch, lòng rào rạt khi được nhìn đoàn tàu băng qua. Có những người chờ đợi những thứ gì tình cờ, lang thang bờ ga, đón nghe một hồi

còi hay ngắm một chuyến tàu đồ khách. Những người ấy thất vọng với ga Calcutta.

Ga Calcutta là một mê cung đối với những người dân quê Ấn-Độ, đối với những du khách kém thành thạo. Lối trăm ngã, trên cầu, dưới hầm. Đường sắt gặp nhau mạng nhện. Xe dịch chỉ còn là một nhu cầu.

Ga Calcutta là một Ấn-Độ, một Calcutta thu nhỏ. Cuộc sống ở đó cách biệt. « Cu-ly, Cu-ly ». Số người được mang cái tên này không ít. Một chiếc áo đỏ, một vành khăn, một biển số đeo tay, họ chầu chực để được gọi bằng cái tên « Cu-ly, Cu-ly ». Mấy đồng « annas » ném cho họ là ánh sáng hy-vọng mà họ chờ đợi. Họ lạnh lùng hay là mệt mỏi, nhìn đám người lộng lẫy, thừa thãi mà họ đang hầu hạ. Ga Calcutta có đủ hóa phẩm, thực phẩm, sách báo, học giả, tu-sĩ, hành khất, kẻ cắp. Ga Calcutta đúng là một cái chợ đủ nghĩa về mọi mặt.

Phải còn nhìn cho được lúc Calcutta mới lên đèn. Cái sức sống tràn trề kia khi đó mới dâng lên đến tột độ. Người nêchặt phố. Xe cũng tràn đại lộ. Ánh điện không còn tro trên vì lẽ loi. Tiếng chào hàng sôi vào thính giác. Đèn màu vẽ lên không gian những hình bay. Calcutta là Sài Gòn những đêm chợ Tết.

Nhưng Calcutta cũng gợi nhớ Hà Nội. Bằng những chuyến tàu điện. Bánh xe rít trăm buồn. Những đường giây hút miết chiếc cần đôi lúc loè lửa xanh biếc. Tàu đi nặng nề ném lại đằng sau ánh đèn vàng ủa, những tiếng chuông đồn dập. Mặt đường rung rung. Ngày nào, Hà-Nội cũng có những tiếng nói ấy những người Hà-Nội còn gìn giữ nguyên vẹn trong ký ức. Những tiếng Hàng Ngang, Hàng Đào, Hàng Đường, Hàng Giấy, v. v.. Những tiếng nói bây giờ nghẹn ngào.



Hai lần gặp gỡ Calcutta, hai cảm giác. Nhưng vẫn chỉ một Calcutta. Một Calcutta khỏe khoắn, thừa người sống, thừa sức sống. Calcutta là bộ mặt miền Đông, đứng giữa hai thế hệ cũ và mới của Ấn-Độ. Những người thống-trị ngày hôm qua đã để lại một di-sản vật chất phong phú. Nhưng quá khứ của Ấn-Độ đã để lại một khuôn khổ tinh thần tội lỗi : Khuôn khổ đẳng cấp.

Góp mặt với các đô thị Á Châu, Calcutta không then để đại diện cho Ấn-độ. Nhưng đặt chân lên Calcutta người ta có thể bồi hồi tự hỏi nếu tinh thần bình đẳng không toàn thắng ở đây thì Calcutta sẽ có một bộ mặt nào. Những bước chân của lớp người nghèo đói, lam lũ, ngọn lửa túi nhục âm ỉ cháy hứa hẹn gì.

Calcutta đã vọng lên những tiếng bồ đề. Calcutta đã lựa chọn, và đang đi tới bằng những bước chậm chậm.

TRẦN THANH HIỆP



THƠ TÔ THÙY YÊN

TÌNH ANH EM

Ta quàng chắc cổ nhau
 Như trên lầu vừa bước xuống
 Ta trông tình anh em
 Lên tâm hồn anh em liền máu khớp
 Như vần thơ lục bát

Ta ra đồng đếm lúa được bao nhiêu
 Ấy số lời tình tự
 Một kẻ thốt lên thôi
 Người chung quanh lập mãi

Ta cười ran động đây
 Bóng tối bề loang khoáng
 Ánh sáng từ môi tràn
 Ban mai nguyên thời gian

Chuyện đó không hoang đường
 Chuyện đó không thần thoại

Tôi tin chi hồ ly khi yêu em.

TÔ THÙY YÊN

VẤN ĐỀ THỐNG NHẤT NGÔN NGỮ

TRẦN VĂN HIẾN MINH

ĐẦU tháng chín vừa qua, do sáng kiến của nha văn-hóa trong Bộ Quốc Gia Giáo-Dục, một hội-nghị đã được nhóm họp, lấy tên là hội nghị thống nhất ngôn-ngữ. Bộ quốc-gia giáo-dục cho in một số đặc-san, riêng gồm những biên-bản và kiến nghị của thành phần hội-nghị. Bạn đọc đã hay sẽ có dịp đọc trong đó những cố-gắng của rất nhiều thiện-chí trong việc giải-quyết một vấn-đề liên-can mật thiết tới tiền đồ văn-hóa nước nhà. Mấy dòng sau đây không nhằm mục-đích nhắc lại những điểm đã có trong đặc-san nói trên mà chỉ trình bày vấn đề một cách có hệ thống và đồng thời đem ra ánh sáng ít nhiều yếu-tố khả-dĩ tạo nên một giải-pháp tương đối thỏa-mãn.

I.— PHẠM-VI VIỆC THỐNG-NHẤT NGÔN-NGỮ

Ngay phiên đầu của hội-nghị, nhiều diễn-giả đã nêu lên câu hỏi : tiếng nước nhà đã thống-nhất rồi, sao còn nêu lên vấn-đề thống-nhất ngôn ngữ ? Hỏi thế, tức là bắt buộc ta phải hạn chế phạm-vi của vấn-đề đồng thời nhấn mạnh mục-đích của hội-nghị. Xét theo đại cương tiếng nước nhà kể là được thống nhất quá sự ta ngờ. Trung Nam Bắc đều có thể hiểu nhau, nhất là trên văn-tự. Vậy việc thống-nhất ngôn-ngữ có một phạm vi nhất-định này : Kiểm-điểm và thống-nhất kiểu phát-âm và chính tả có hơi khác theo địa-phương ; thống-nhất và thiết-lập một bộ danh-từ chuyên-môn về mọi ngành kiến-thức. Đặt phạm-vi như thế, không ai là không nhận ra sự cần-thiết thống nhất ngôn-ngữ. Nam Bắc, tuy nói một tiếng, nhưng nhiều lúc phát âm khác nhau, vì thế, viết chính-tả cũng khác nhau, thí dụ chữ ẪN (Bắc) và ẪNG (Nam) chẳng hạn. Ngoài ra, phong trào việt-hóa các môn-học tiến không ngừng, nên thế nào cũng phải giải-quyết vấn đề từ-ngữ chuyên-môn, càng chóng càng hay. Nhất là lúc này đây, người ta đang đứng trước tình-trạng lạm-phát danh-từ chuyên môn. Mỗi-giáo-sư phải tự-tạo lấy một hệ-thống từ-ngữ để dùng cấp-thời, chưa có thời-giờ để đem ra thảo-luận chung.

II.— YẾU-TỐ CỦA MỘT GIẢI-PHÁP.

Hội-nghị thống-nhất ngôn ngữ ra đời thật đúng lúc. Một đảng nỗ lực thúc đẩy chánh-quyền lưu-ý tới một vấn đề then chốt trong cuộc tạo-dựng nền văn-hóa quốc-gia. Mặt khác, nó đánh thức, cổ-vỗ và tổ-ig-nhất những cố-gắng tư-nhân, đã họp lại từng nhóm để khảo-cứu danh-từ chuyên-môn ngành của mình.

Theo thiên-ý chúng tôi muốn giải quyết chóng vánh và một cách thỏa mãn cần phải nhấn-mạnh hai yếu-tố. Yếu-tố chánh-phủ và yếu-tố tư-nhân. Về phía chánh-phủ có những sở-trường sở-đoán. Sở-trường ở chỗ nắm trong tay khá nhiều phương tiện vật chất và uy-tín pháp-lý, chánh-phủ có thể dễ-dàng xúc tiến công việc thống-nhất ngôn-ngữ và phổ-biến những thành-tích thu-lượm được, nhất là nơi các công-sở và học đường. Sở-đoán, ở chỗ chánh-phủ không đủ nhân-tài để có thể tự mình đảm-đang một công-việc lớn-lao như vậy. Ấy là chưa kể điểm tâm-lý, theo đó thời rất khó « công-chức-hóa » một người làm văn-hóa mà nguồn văn-hóa của họ không bị tổn thương. Không lạ gì, nơi phần nhiều các nước, việc như việc ta đang bàn, thường do sáng-kiến tư-nhân, được chánh-phủ nhìn nhận và nâng đỡ.

Vì thế mà yếu-tố tư-nhân rất quan trọng việc thống nhất ngôn ngữ, sau đó sẽ có việc làm tự điển bách khoa Việt-Nam là một việc vĩ-đại, cần phải từng trăm người cộng-tác mới trông thành-công. Chánh-phủ nhiều khi có những vấn-đề ưu-tiên khác phải bàn tới, nên kinh-nghiệm cho ta hay không dễ giải-quyết vấn-đề đang bàn một cách chu-đáo và chóng vánh được. Hội nghị thống-nhất ngôn ngữ đã là dịp khám-phá ra rất nhiều cố gắng tư-nhân từ mười năm nay, đã mang lại những kết quả không phải là nhỏ, trong vấn-đề này. Ngành chuyên-môn nào cũng đã có người khai-phá, với tất-cả sự hăng-nồng của người đi tiên-phong. Nhìn thấy cố-gắng của họ, ta thầm chắc bụng về tương-lai văn-hóa nước nhà.

Vậy thì, cứ con đường đã vạch mà tiến. Các nhóm đã liên lạc với nhau, nhờ sự tổ-chức hội-nghị, cứ nên tiếp-tục làm việc thêm mãi. Và chánh-quyền, với một sự tha-thiết, luôn-luôn theo-đuổi công-việc của tư-nhân, để khuyến-kích cổ vỗ và nếu cần, nâng-đỡ. Với hai yếu-tố đó, chắc rồi sẽ sớm có một giải-pháp cho vấn-đề, đẩy mạnh phong-trào văn-hóa tới một bậc cao hơn.

TRẦN VĂN HIỂN MINH

SIÊU THỰC VÀ ẢO TƯỢNG

THÁI TUẤN

Cùng với bài *Một Vài Nhận Xét Về Hội Họa* của Thái Tuấn và *Khảo Lược Về Hội Họa Trung Hoa* của Đào Sĩ Chu đã đăng trong Sáng Tạo số 1 và 3 thiên khảo cứu nhỏ dưới đây sẽ giúp bạn đọc — nhất là các bạn yêu mến nghệ thuật màu sắc — có được những ý niệm đại cương về hội họa mới. Vấn đề đặt ra ở đây không phải là đả kích hay công nhận, mà chỉ là để tìm hiểu những xu hướng nghệ thuật những môn phái tiêu biểu nhất của nền hội họa thế kỷ. Sự tìm hiểu là một cần thiết tối thiểu của tất cả những người thưởng ngoạn có thiện chí.

SIÊU thực đã đưa các văn nhân nghệ sĩ vào một cuộc phiêu lưu mới mẻ và kỳ lạ nhất trong thế kỷ hiện tại.

Đó là *tâm lý tự động thuần túy*. Nhờ nó nghệ sĩ diễn tả tư tưởng. Tư tưởng được diễn đạt ngoài vòng kiểm soát của lý trí, ngoài sự băn khoăn về nghệ thuật, ngoài sự kiềm tỏa của luân lý và ngoài cả sự súc động của cảm giác.

Nếu nghệ thuật với mục đích đi tìm cái Đẹp, tôn giáo với mục đích đi tìm cái Thiện, khoa học với mục đích đi tìm sự thực; thì phái Siêu Thực không có mục đích làm việc: nghệ thuật, tôn giáo và khoa học. Những người ở môn phái Siêu Thực đã từng tuyên bố rằng: « Không nên phê bình một tác phẩm siêu thực về mặt nghệ thuật của nó. Chúng tôi không có mục đích đi tìm cái đẹp trong phạm vi thẩm mỹ của nghệ thuật. Đây chỉ là một khoa học mới để diễn tả tư tưởng ».

Dù sao chẳng nữa, thì chúng ta hẳn cũng nhận thấy rằng : ảnh hưởng của phái Siêu Thực đã lan tràn nhanh chóng và rộng rãi trong các bộ môn văn nghệ. Những ảnh hưởng của nó rõ ràng nhất trong thi ca hội họa. Một ít mẫu giấy thép vài ba cái nút chai, một chiếc sườn xe đạp cũ, cũng đủ cho một nghệ sĩ ở phái siêu thực diễn tả tư tưởng của mình. Bởi chủ trương rằng những sáng tác của mình không thuộc phạm vi nghệ thuật mà đó chỉ là một khoa học mới mẻ nên phần nhiều họ không tạo nên những hình ảnh có tính chất nghệ thuật. Và cũng bởi bắt buộc phải theo sát chủ trương đã đề xướng ra nên họ phải tạo nên những hình thể rất giả tạo chỉ đưa đến sự bế tắc. Mặc dù chủ trương của họ có mới lạ mấy đi chẳng nữa, thì cũng vô ích vì chính nó không có tính chất nghệ thuật.

• Vì vậy chúng ta không nên thảo luận dài hơn, vì ở đây, chúng ta chỉ muốn bàn đến những vấn đề thuộc phạm vi nghệ thuật.

ẤN TƯỢNG

Thời kỳ toàn thịnh của phái Ấn Tượng vào quãng năm 1870 - 1880. Đó là thời kỳ mà phái Ấn Tượng đã mở một kỷ nguyên mới cho nền hội họa Âu Châu. Sự đắc thắng của nó không phải chỉ nhất thời mà còn ảnh hưởng mãi tới ngày nay, khắp trong mọi bộ môn văn thơ nhạc kịch và ngay cả đến phê bình nữa.

Vào khoảng năm 1870, người ta thường gặp ba chàng họa sĩ trẻ tuổi đến ngồi vẽ hàng giờ trên bờ con sông Seine. Đó là Monet, Renoir và Pissarro, ba chàng họa sĩ ở phái hiện thực. Họ chăm chỉ theo dõi những hiện tượng do ánh sáng chiếu xuống mặt nước sông. Trong lúc vẽ họ nhận thấy rằng sự rung động của những tia sáng chiếu xuống nước đã phân hóa các màu sắc. Vì thế những màu sắc phản chiếu dưới nước rất tươi sáng và cả đến hình thể sự vật cũng rất linh động như chứa chan một sức sống. Cây cối, nhà cửa như chuyển động, xê dịch và đang nhón lên. Bóng tối không còn là màu đen dưới sự ngự trị của ánh sáng, chỉ có những màu sắc tươi sáng và sức sống của tạo vật. Họ đã diễn tả mặt nước đúng theo điều nhận xét của họ, đúng theo kinh nghiệm thực tế, chứ không phải để theo một lý thuyết nào cả. Còn những cảnh vật khác ở trên bờ họ vẫn dùng những phương pháp lề lối cũ của hiện thực. Khi vẽ xong họ nhận thấy rằng bức họa thiếu sự thống nhất ở lối vẽ, thiếu

sự hòa hợp, mất thăng bằng. Nửa phần bức họa dưới nước thì linh động tươi sáng, đầy sức sống. Nửa phần trên bờ thì là một cảnh rất thực, nhưng không có sự sống, một cảnh đứng yên không linh động, màu sắc kém tươi. Sau khi nhận thấy như vậy họ chủ trương tất cả cảnh vật cùng phải diễn tả một lối như cách diễn tả mặt nước. Không phải chủ trương như vậy là sẽ tạo nên những hình thể trừu tượng. Nhưng tất cả những hình thể được tạo nên bởi màu sắc và ánh sáng. Hình thể sự vật hiện lên tấm tranh phân cách nhau bằng những mảnh màu sắc, không có biên giới nhất định và nhiều khi hòa lẫn nhau vì sự rung động của ánh sáng. Những họa sĩ ở môn phái này lấy ánh sáng làm căn bản để diễn tả sự vật. Nhưng ánh sáng ở đây không được coi như là một yếu tố của thực tế! Họa sĩ chỉ dùng nó như một nguyên tắc của bút pháp. Và ảo tượng bắt nguồn từ đấy.

Ánh sáng chỉ là một yếu tố giúp họ thu nhận hình ảnh của sự vật vì thế những họa phẩm của phái Ảo Tượng không diễn tả thực tế như lối diễn tả của hiện thực, mà họ chỉ chú trọng diễn tả *hình ảnh* của sự vật. Chủ trương của họ bật nổi rõ ràng hơn hết thảy các môn phái đi trước họ.

Diễn tả *hình ảnh* của sự vật là một hình thức của cảm xúc hoàn toàn tự do và phóng túng, cố gắng thoát khỏi sự kiềm chế của lý trí. Chủ trương như vậy phái Ảo Tượng nhất quyết bảo vệ những cảm xúc của họ đối với cảnh vật. Và cũng nhờ vậy mà họ đã tìm được một hình ảnh gần gũi nhất với sự thực, mà sở dĩ những hình ảnh đó họ diễn tả gần với sự thực cũng nhờ cảm xúc mạnh mẽ và thành thật của họ, đã đi đôi với quan niệm nghệ thuật tuyệt đối, trong hình ảnh sự vật. Cũng không quá đề cao cảm xúc nên họ đã giữ được không khí tự do không lệ thuộc với lối cổ truyền cũng không ảnh hưởng những hình thể trừu tượng. Để đi đến nghệ thuật, công việc thứ nhất là phải tiếp xúc được với *hình ảnh* của sự vật chứ không phải chính sự vật.

Raphael và Rembrandt cũng đã từng nắm được bí quyết về việc ghi chép hình ảnh của sự vật nhưng trí tưởng tượng của họ còn vượt ra ngoài cảm xúc để đi đến thành một lý tưởng về hình thức hoặc tinh thần. Trái lại phái Ảo Tượng đã tìm thấy lý tưởng của mình ở ngay trong phạm vi của cảm xúc, và để giúp cho những phản ứng của cảm xúc tiến đến chỗ hoàn mỹ, họ từ chối mọi phát triển của tưởng tượng.

Ảo tượng chống đối với lối nhận xét khách quan của hiện

thực. Nó tuyên bố nhìn nhận quan điểm nhận xét chủ quan của cá nhân nghệ sĩ.

Thoát ly khỏi chủ trương khách quan cũng là một lý tưởng của họ. Nhưng không phải là một lý tưởng thuộc phạm vi tinh thần bởi nó đặt nền tảng trên cảm giác. Ấn tượng cũng không đồng quan điểm với phái lãng mạn, bởi nó muốn làm một cuộc cách mạng đối với nhận thức về tình cảm của nhân loại trên địa hạt văn nghệ, lịch sử, chính trị, mà phái lãng mạn đã cố gắng ép uổng cho nghệ thuật.

Nhận xét về những tài liệu như : nhà cửa, cây cối, sông núi những hoạt cảnh xã hội mà phái ấn tượng đã dùng để sáng tác, ta sẽ nhận thấy nó có một giá trị trường cửu, chứ không phải chỉ có giá trị cho một thời đại. Phần lớn trong những tác phẩm của môn phái Ấn Tượng, họ đã vẽ những cây cối bình thường, những chiếc nhà giản dị, những dân quê chất phác; chứ không phải tòa biệt thự đồ sộ hay những bà hoàng quý tộc. Chọn những đề tài ấy không phải họ chủ trương một hoạt động chính trị nhưng chỉ để diễn đạt lòng triu mến của họ với những cảnh sinh hoạt hàng ngày tuy giản dị tầm thường song gần gũi họ hơn và đã làm họ xúc động mạnh mẽ.

Corot và Constable tuy đã chán ghét cái lối vẽ cổ trôn tru nhẵn nhụi như chụp ảnh, nhưng vẫn không dám trưng bày các tác phẩm mới của mình trước quần chúng. Họ nghĩ ra một cách là khi nào vẽ thì tuy một đề tài nhưng vẽ làm hai bức. Một để trình bày cho quần chúng, vẽ theo lối cũ, và một để cho mình thì vẽ hoàn toàn theo ý muốn. Trái lại phái Ấn Tượng đã can đảm trưng bày những họa phẩm của họ vẽ theo rung động của tình cảm, theo một kỹ thuật riêng biệt và táo bạo. Họ không ngần ngại trước những chỉ trích của quần chúng. Bền bỉ và can đảm tranh đấu cho lý tưởng nên họ đã thành công và thuyết phục được quần chúng, làm cho quần chúng thông cảm rằng : *Sự vật ở trong một bức họa chỉ có lý do tồn tại ở chỗ truyền cảm; chứ vai trò của nó không phải cốt để gây cho người xem tranh một ảo ảnh.* Tác phẩm của phái Ấn Tượng là do sự cấu tạo của ánh sáng và màu sắc chứ không phải do chính sự vật, nên nó không chú ý đến sự hòa hợp của cảnh vật cũng như sự diễn tả không gian với bề sâu. Màu sắc của họ dùng, phần nhiều tươi sáng hơn những màu sắc của các họa sĩ ở thế kỷ thứ 16, vì họ đã căn cứ vào sự phân tách của ánh sáng đối với màu sắc. Nếu chúng ta đem trộn lẫn một ít sơn màu vàng và màu lam chúng ta sẽ có một màu thứ ba là màu xanh.

Nhưng nếu chúng ta không trộn lẫn hai thứ với nhau, chúng ta chỉ vẽ hai đường màu vàng và màu lam cạnh nhau và chúng ta đứng xa vào một độ vừa phải thì chúng ta cũng sẽ nhìn thấy một màu thứ ba là màu xanh, nhưng là một màu xanh tươi sáng hơn nhiều. Không phải là phái Ấn Tượng đã tìm thấy như vậy và rồi sẽ theo đúng cái nguyên tắc về màu sắc ấy một cách câu nệ, máy móc! Họ coi đó chỉ là một nhận xét về nguyên tắc thôi.

Màu sắc của họ tươi sáng hơn không duy ở việc hiểu rõ nguyên tắc đó. Nhưng chính là nhờ ở cảm xúc về màu sắc của họ rất tinh vi tế nhị.

Chủ trương rằng : Màu sắc là do ở ánh sáng mà có, ánh sáng là một thứ gì rất linh động. Màu sắc đã linh động thì không có một hình thể nào đóng khung lại mà chứa đựng được nó. Vậy thì hình thể cũng biến đổi và rung động theo với ánh sáng và màu sắc, không có những đường biên giới nhất định. Phái Ấn Tượng đã căn cứ vào sự linh động của màu sắc, của ánh sáng, để làm căn bản cho những biến đổi về hình thể sự vật. Những hình thể của hội họa ngày nay cũng chịu một phần ảnh hưởng ở đó.

Khi đã nhận định rằng ánh sáng, màu sắc, hình thể đều biến động thì quan niệm về không gian cũng vì thế phải đổi thay.

Nhóm Florentins ở đầu thế kỷ thứ 15 cho rằng : Không gian chỉ là cái quăng trống vắng. Trên bức họa, họ dùng cái quăng trống đó để ngăn cách mọi vật với nhau. Nhóm Venitiens ở thế kỷ thứ 16 thì lại quan niệm rằng : Không gian không phải là một sự trống rỗng, nhưng nó chứa đầy không khí, nên không gian bao bọc hình thể, và trên họa phẩm của họ, hình thể và không gian bao bọc, hòa hợp với nhau. Phái Ấn Tượng thì lại cho rằng : Chính sự rung động của ánh sáng của màu sắc đã tạo nên không gian. Không gian cũng luôn luôn biến động, bởi vậy trên các bức họa họ không chú trọng đến bề sâu. Không gian đối với họ chỉ là ánh sáng và màu sắc. Bởi vậy nhiều lối phê bình chỉ trích, họa phẩm của phái ấn tượng thiếu chiều sâu. Nhưng thật ra thì chưa từng có một luật lệ nào về hội họa bắt buộc một bức họa phải có đủ ba chiều.

Phái Ấn Tượng quan niệm rằng không gian chứa đựng sự rung động của vũ trụ, của ánh sáng, của màu sắc có nghĩa là họ đã thông cảm được với những mầm sống tiềm tàng trong hình thể sự vật. Nhưng thời kỳ về sau cũng của môn phái này

một số họa sĩ đã không thông cảm được với những tư tưởng căn bản của phái Ấn Tượng, họ đã «chơi đùa» với màu sắc như một bác thợ nhuộm nên chỉ tạo ra được những màu làm vui mắt nhưng chẳng diễn tả được gì. Đây là thời kỳ phá sản của một số họa sĩ.

* *

Như vậy thì, tất cả các môn phái đều có một nguồn gốc và không phải một môn phái mới là một sự đoạn tuyệt hẳn với những môn phái cũ. Nó chỉ là một sự biến hình dần dần. Chủ trương có thể khác nhau, nhưng tất cả đều cùng chung một mục đích là làm công việc của nghệ thuật. Không thể nói được hiện thực đúng hơn lập thể. Cũng như không thể cho rằng những họa phẩm của Picasso giá trị nghệ thuật hơn tranh của Renoir. Tất cả các môn phái chỉ là những con đường riêng dẫn đến một mục đích là nghệ thuật.

Nghệ sĩ nghiên cứu và hiểu rõ con đường nào hợp với mình, và sẽ phải theo con đường nào, nếu cần có khi họ phải tự tạo ra một con đường mới.

THÁI TUẤN

THƠ THANH TÂM TUYỀN

HÃY CHO ANH KHÓC BẰNG MẮT EM NHỮNG CUỘC TÌNH DUYÊN BUDAPEST

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest
Anh một trái tim em một trái tim
Chúng kéo đầy đường chiến xa đại bác.
Hãy cho anh giận bằng ngực em
Như chúng bắn lửa thép vào
Môi son họng súng
Mỗi ngã tư mặt anh là hàng rào.
Hãy cho anh la bằng cổ em
Trời mai bay rực rỡ
Chúng nó say giết người như gạch ngói
Như lòng chúng ta thêm khát tương lai.
Hãy cho anh run bằng má em
Khi chúng đóng mọi đường biên giới
Lùa những ngón tay vào nhau
Thân thể anh chờ đợi.
Hãy cho anh ngủ bằng trán em
Đau đầu đạn
Đêm không bao giờ không bao giờ đêm
Chúng tấn công hoài những buổi sáng
Hãy cho anh chết bằng da em
Trong giây xích chiến xa tội nghiệp
Anh sẽ sống bằng hơi thở em
Hồi những người kế tiếp

Hãy cho anh khóc bằng mắt em
Những cuộc tình duyên Budapest

12-56

THANH TÂM TUYỀN

CÁI CHẾT CỦA NGƯỜI THI SĨ

NGUYỄN SA

TÔI không phải người đầu tiên ngạc nhiên trước địa vị của tác giả «Chu Thần Thi Tập» trong thi đàn xứ Việt. Nếu họ Cao sinh đồng thời với người thắng trận Bạch Đằng hẳn chúng ta sẽ không lấy làm lạ trước sự chiêm ngưỡng của người ta về nhà thơ đã sống một cuộc đời dọc ngang trời đất. Người sẽ được kể như một kẻ đi tiên phong và sẽ được yêu mến, ngưỡng mộ vì bản sắc tiên phong nhiều hơn nghệ thuật như một Nguyễn trung Ngạn, một Hàn Thuyên...

Nhưng đã chọi sáng bên cạnh tác phẩm của những Nguyễn Du, những Nguyễn công Trứ, Hồ xuân Hương, những con người đã đem lại cho văn học triều Nguyễn ánh sáng của một giọng Ngân Hà, thi ca của họ Cao hẳn phải chứa đựng ít nhiều bản sắc, thực chất của một vị sao. Vậy bản sắc đó ra làm sao, thực chất đó như thế nào? Đặt câu hỏi đó những người yêu thơ sẽ nhận thấy những bờ ngõ ngập ngừng lúc trả lời hẳn không phải là ít. Có lẽ vì quy định, tìm hiểu để nắm chắc bản sắc, thực chất của một tác phẩm thi ca vốn không phải một việc dễ dàng (1).

(1) Thơ không thuộc phạm vi của ký hiệu. (Signe) Người thi sĩ không muốn đưa ta tới một ý nghĩa ẩn sau ngôn từ dùng ký hiệu như kẻ viết văn xuôi. Tất cả những gì nhà thơ muốn nói đều xuất hiện *toàn khối* như người vẽ thể hiện tất cả lên màu sắc, ngọn cỏ bóng cây. Tất cả vốn liếng tâm hồn của nhà thơ đều nằm trong từng chữ, từng vần điệu hòa hợp trên bài thơ như âm điệu hợp tấu trên một nhạc phẩm. Tất cả những gì thi sĩ muốn nói đều nằm trong bài thơ, không còn gì ở bên kia bài thơ vì ở bên kia *cái toàn thể* hợp tấu «âm thanh, nhạc điệu, tình cảm, xúc động...» sẽ mất đi để nhường chỗ cho những ý nghĩa minh bạch, tư tưởng rõ ràng. Cho nên sự khó khăn đến từ chỗ quy định nghĩa là rút ngắn, tìm ý nghĩa là vật chất hóa thi ca. (chúng tôi sẽ có dịp đề cập đến trong những dịp tới. Chú thích của tác giả.)

Nhưng nếu có những người đã quy định một cách máy móc khuynh hướng thí phẩm của một Nguyễn Du thì họ sẽ nói gì về Cao bá Quát ?

Bảo rằng thi ca của Chu Thần bị nhuộm ít nhiều màu sắc thoát phạm của một môn đệ Lão Trang có lẽ người ta đã nhận thấy rằng sự khao khát thoát phạm của họ Cao sẽ vô cùng trần tục bên cạnh vẻ tiên phong đạo cốt của một Nguyễn bỉnh Khiêm. Người lãnh đạo giặc Châu Chấu còn để lộ trên thi phẩm tâm trạng uất ức, sầu đau đến bất mãn như giòng nước vỡ bờ. Uất ức bất mãn về cuộc sống, họ Cao chưa thể đi vào đạo với sự thanh thoát của một tâm hồn nhẹ nhõm, «vô vi». Uất ức, bất mãn vì cuộc sống là mặt trái, dấu hiệu của sự mãi mê ham sống. Người họ Cao chưa thoát khỏi, cuộc sống, tư tưởng thoát phạm của người vô cùng trần tục bởi vì người đã giữ một thái độ trách cứ của kẻ đi đường kia trách người đời nhìn mình. Nhưng nếu ta không nhìn đời thì làm sao biết được ?

Bảo rằng thi ca của họ Cao bị quan người ta cũng không dám cả quyết vì lẽ sự bi quan của con người mặc dầu đã chết chêm đó thiếu vẻ sắc bén « cười lên tiếng khóc » của một Tú Xương, thiếu vẻ thâm trầm của nhà thơ Tiên Điền họ Nguyễn. Và cũng bên cạnh người đàn ông đã khai sinh và sống trải nỗi đau đớn u uất của Thúy Kiều đó, tâm sự của con người mặc dầu đã lều chõng hơn một khoa, bằng nhỏ hơn một lần có tên, mặc dầu đã kêu gào lên « có bao năm ba vạn sáu ngàn ngày » sẽ vô cùng trẻ dại. Thiếu sự trầm tĩnh 'sâu kín' của tác giả câu « trăm năm trong cõi người ta » họ Cao không đạt đến chỗ thâm thúy của Nguyễn Du, khi đề cập đến một đời người vo tròn trong chữ mệnh. (thì đã biết cùng thông là mệnh cả).

Cả những buổi thiếu thời còn mong mỗi công thành danh toại, muốn « nghiêng cánh nhận muốn tách cánh rừng Nhan Khổng », « chi làm trai » bộc lộ trong thi ca của họ Cao cũng thiếu vẻ dẫn dị sắc bén điêu luyện, cũng như khi mơ thú yên hà người thi sĩ bất đắc chí mặc dầu kiêu ngạo, đã thiếu vẻ hào hoa, phong nhã, thông trải ngọn ngành của ông quan đầu triều họ Nguyễn. (1)

Biết rằng thi ca của họ Cao thiếu vẻ tiên phong đạo cốt của Nguyễn bỉnh Khiêm, không chua chát xâu cay bằng tác

(1) Xem Sáng Tạo số 3. Nguyễn công Trứ của Nguyễn sĩ Tế.

phẩm của con người đất Vị Xuyên, không thâm trầm tinh tế như Nguyễn Du và cũng không tài hoa bằng một Nguyễn công Trứ có người đã đề cập đến giá trị âm điệu trong văn thơ của họ Cao. Nhưng nếu có những thi sĩ trong lịch sử văn chương Việt Nam có một tài nghệ tuyệt luân trong đường sử dụng âm thanh như Bà Huyện thanh Quan, Nguyễn Du, người ta cũng không thể bảo những Hồ xuân Hương, Nguyễn công Trứ, Phan huy Vịnh..... là những người không biết gì về luật bằng trắc. Bảo rằng thơ của Cao bá Quát trội về âm thanh thì âm thanh của nhà thơ nào trong những bậc đàn anh triều Nguyễn nghèo nàn, quê kệch? Âm điệu trong thơ dịch của họ Phan đã được mang sắc thái của từ những con « mưa rào » những câu « chuyện riêng » cho đến những khi vội vã « sà sạt tiếng đao », khi « ngẩn ngơ đau giận » vì « dòng tây lạnh ngắt » và âm điệu trong thi ca của Uy Viễn tương công hân cũng không kém gì những tiếng phách tiếng sênh.

Nên rất nhiều người nghĩ rằng thơ của họ Cao đáng giá ở chỗ ngang tàng. Chúng tôi chỉ xin vấn tắt trong một câu : Nếu họ Cao đã viết được những câu thơ phá trời như : « ngoảnh mặt lại cửa hoàn coi cũng nhỏ » thì họ Nguyễn, người mà Cao khinh ghét, đã cười vang « chuyện cồ kim so sánh tựa bàn cờ. »

Nên những người nghĩ rằng giá trị thi ca của Chu Thần hiện ở chỗ ngang tàng đã không thành công trong sự phê phán. Nhưng có lẽ đã giúp ích được ít nhiều trong sự khai thác lối đi. Không có một lối cở mòn dắt ta đến Cao bá Quát, họ đã thành công trong sự cắt sén một vài cành gai, cỏ sắc. Không thành công trong sự khai thác một lối đi trọn vẹn, họ đã để lại ít ra một vài vết chân người trong rừng nhiệt đới.

Ngang tàng trong thi ca, thái độ ngang tàng của họ Cao hẳn không vượt bậc được một Nguyễn công Trứ. Những sự gào thét của họ Cao cũng không để lại cho ta một cảm giác ngọt ngào như khi đứng trước người đàn ông « vai năm thước rộng thân mười thước cao » của Nguyễn Du.

Nhưng *ngang tàng trong đời sống*, họ Cao đã dọc ngang như một Từ Hải nên dưới mắt của người lãnh đạo giặc Châu Chấu hiện thân của một anh quân đầu triều họ Nguyễn không khác gì một kẻ hàng thần lơ lảo, một gã Tôn Hiến họ Hồ.

Gã Từ Hải của thi ca đó đã coi thường khoa cử, trọng nghĩa khinh tài ; chấm cho đỗ cả những người phạm húy. Như người anh hùng đất Việt Đông, họ Cao cũng không cần « biết trên đầu có ai » bởi vì trong cả bản dân thiên hạ Cao đã thu nơi tay kinh sách hai bồ trên bốn. Lũ phạm nhân chỉ được một bồ nên cắt sén, tranh dành nên thi ca bị xé bướm như chiếc áo rách, « câu thơ thi xã phải mang hương vị của con thuyền Nghệ An ».

Thái độ ngang tàng của Cao bá Quát đã khuynh đảo được người đồng thời, đã làm cho họ ngọt ngạt như bị thống trị bởi đôi mắt khinh thị. Và như lửa cháy thêm dầu, sự khen tặng kính phục của những người đó từ thân sinh của họ Cao đến người đã ban ơn lương bổng cho thi sĩ phụ họa vào sự ngang tàng của ông đã đem lại cho « Chu Thần Thi Tập » ít nhiều màu sắc thần thoại.

Những câu thơ khen tặng họ Cao « Văn như Siêu Quát vô tiền Hán » cũng như sự vô ngược xưng danh nắm được hai bồ sách trong bốn của cả thiên hạ đã thành công trong sự đem lại tác dụng thần thánh hóa thi văn của Chu Thần. Nhưng sớm muộn người ta cũng dò hỏi về thực tài của họ Cao bởi vì những kẻ đã một thời được chiêm ngưỡng như Cao bá Quát, những Siêu, Tùng. Tuy đã bị xóa mờ như vết chân trên cát biển. Tại sao ta quên ba mà không bốn ? Sự thần thánh hóa đó sớm muộn cũng bị trần tục hóa nếu không có một hiện trạng đặc biệt đã xảy đến trong đời Cao bá Quát để đem lại cho sự thần thánh hóa đó một sắc phong, một chiêu bài bất khả xâm phạm.

Sự trạng đặc biệt đó là cái chết của người lãnh đạo giặc Châu Chấu, tác giả Chu Thần Thi Tập. Sự chết vốn là sự kết thúc của một đời người nhận định dưới khía cạnh khách quan. Nhưng cái chết của họ Cao đã chiếu dội lên toàn thể đời thi sĩ với sức sáng chói của hải đăng, sức màu nhiệm của hào quang. Dĩ vãng, hiện tại, tương lai của đời người vốn không phải là ba giai đoạn cắt khúc như ba nhánh của một giòng sông. Mỗi phút sống của hiện tại, hướng về tương lai đều có đủ quyền uy bổ xung, cải tạo hay hủy bỏ những phút đã qua. Sự tu hành cố gắng cải thiện của một con người đã xấu xa như nước không hề bị giảm giá bởi sự xấu của hôm qua. Tất cả tình yêu nước của một Trần ích Tắc thời trẻ tuổi nếu có cũng bị rơi vào hư vô đến mãi mãi, bị hủy diệt bởi hành động bán nước cuối cùng.

Con người bước nặng nề vì « chân vương cùm lim, tay xích sắt » đã nghênh ngang chửi đồng giữa một pháp trường rợn rã « ba hồi trống dục », mặc dầu sắp sửa chịu cảnh « một nhát gươm đưa ». Và lưỡi gươm đã đưa xuống nhưng hành động cuối cùng từ những câu thơ uất ức đến dáng điệu ngang tàng đã đem lại cho đời sống và cả thi phẩm của họ Cao một đời sống vĩnh cửu.

Sự biết chết chứng tỏ sự biết sống. Sự biết chết ngang tàng đã chứng minh toàn thể những hành động ngang tàng của đời sống họ Cao, đã ngang tàng không hề giả tạo suốt một đời người. Cho nên Cao bá Quát hiện ra giữa những thi sĩ đồng thời như một người thương binh giữa những người trai trẻ. Việc kiếm cung họ cùng đề cập luận bàn. Nhưng lời nói của họ Cao đã được tôi luyện thành một chất thép có thể sẻ cây chém đá. Người ta không hồ nghi khi người thương binh bàn về quốc sự. Cái chết của họ Cao đã đem lại cho thi ca của người giá trị của những lời nói thành thật. Có lẽ thành thật chưa đủ để thành một đức tính của nghệ thuật. Nhưng tất cả chúng ta đều muốn mở cửa đón một bàn tay. Ta không sợ những sáo ngữ vì ta chắc chắn bắt gặp lòng người. Cái chết của thi sĩ đã bắc một nhịp cầu giữa người đọc và nhà thơ.

Cái chết của họ Cao còn đem lại cho thi sĩ một địa vị vượt bậc đến không ngờ.

Như một Lý thái Bạch được coi như người thi sĩ anh cả của Á Đông, người đã có một hành động rất thơ : ôm trăng mà chết, họ Cao đã ngậm thơ khi từ giả cuộc đời. Như một Socrate, nhà hiền triết Hy Lạp người được kể là « vạn thế sư » mặc dầu không để lại nửa giòng triết lý, người đã chết như đã sống một cuộc đời hiền lương, trong đẹp, họ Cao đã chết như đã sống ngang tàng.

Socrate không viết nửa giòng chữ nhưng người được yêu mến và kính trọng đến muôn đời bởi vì người không còn là nhà triết lý mà đã tan vào triết học, hiện thân của triết học.

Đã biết chết một cách ngang tàng không những Chu Thần thi sĩ đã đem lại cho tác phẩm mình một giá trị thành thật. Người còn làm ta yêu người hơn một thi sĩ, bởi vì người là thơ.

NGUYỄN SA

HÃY XÂY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TÚY

DOÃN QUỐC SỸ

SỰ GIÀU SANG CỦA TIẾNG VIỆT

Hạ tuần tháng 9 vừa rồi, khi qua Vọng Các tôi có gặp anh bạn cũ hiện làm việc tại tòa đại sứ Việt-Nam. Anh về lấy tôi không phải vì mừng gặp nhau, mà chỉ để nói với tôi một chuyện. Anh nói :

—Tôi vừa về thăm nước nhà sang đây. Vào một tiệm giải khát ở Sài Gòn, tôi hỏi đồng bào chủ tiệm: «*Thế nào tiệm ông mở cửa từ mấy giờ đến mấy giờ?*» Lập tức ông chủ nhún vai đáp gọn: «*Lu bù!*»

Anh bạn cười rũ vổ vai tôi, giọng vô cùng thích thú :

— Anh thấy cách trả lời có tuyệt không ?

Thoạt tiên tưởng như không phải câu trả lời mà kỳ thực trả lời rất đầy đủ, gọi được cả cái «*nếp sống*» của ngôi hàng.

Đến nay càng nghĩ lại câu chuyện của anh bạn tôi càng cảm thấy thấm thía cái giàu sang, cái tế nhị của tiếng Việt. Quả vậy, giả sử có người ngoại quốc học tiếng Việt, dù người đó yêu tha thiết tiếng Việt, chịu học hỏi tiếng Việt đến đâu cũng khó lòng nắm vững cách xử dụng để có thể trả lời được một câu ngắn, gọn và vô cùng linh động: «*Lu bù!*» Về cái giàu sang của tiếng Việt chúng ta có thể tìm thấy nhan nhản những tỉ dụ ở ngay ngôn ngữ thường nhật. Từ «*Tôi chẳng cần!*» (có thể cần, mà không cần), đến «*Tôi bất cần!*» (không thêm cần tôi), chúng ta thấy rõ mỗi câu có một sắc thái riêng. Điều lý thú là chữ «*bất*» của Tàu cũng có nghĩa là «*chẳng*». Chúng ta đã mượn chữ Tàu để Việt hóa chữ đó để thổi vào chữ đó một sắc thái khác. Nói tóm lại, chúng ta đã đồng hóa những chữ ngoại lai để phong phú hóa tiếng Việt.

Về ý niệm vô hạn của không gian và thời gian, tiếng Pháp chỉ có một chữ «*Infini*», Sang đến tiếng Việt chúng ta sẽ tùy từng lúc, tùy từng chỗ mà dùng như chữ : vô cùng, vô hạn, vô thủy vô chung, đều là những chữ Hán đã được Việt hoá.

Tôi nghĩ đến những bài đồng dao thuần nôm, hẳn là xa xưa lắm, còn mộc mạc vô cùng :

*Ông giăng ông giăng
Ông giăng búi tóc
Ông khóc ông cười*

rồi những câu ca dao, cũng thuần nôm, nhưng chan chứa tâm tình :

*Ra đi ngó trước ngó sau,
Ngó nhà mấy cột ngó cau mấy buồng.*

rồi những câu ca dao thấp thoáng có những chữ Hán đã Việt hóa hoàn toàn :

*— Đi về đằng ấy hôm nay.
Ngựa hồng ai cưỡi cổ tay ai cầm?
— Ngựa hồng đã có tri âm.
Cổ tay đã có người cầm thì thôi.*

rồi những câu khác có gần cả một mệnh đề chữ Hán mà nghe ra vẫn Việt như thường :

*Chót sa chân lỡ bước xuống đò
Gieo mình xuống sập còn lo nổi gì
Gặp nhau đây thiên tai nhất thì ...*

rồi những câu thấp thoáng những điển tích, những danh từ bác học nhưng bác học một cách bình dân, vì những hình ảnh được gọi lên đã đi thẳng vào lòng người dân Việt :

*Đêm đêm tưởng giải Ngân hà
Chuôi sao tinh đầu đã ba năm tròn
Đá mòn, nhưng dạ chẳng mòn
Tào Khê nước chảy hãy còn tro tro*

thì tôi muốn gục xuống trước bàn thờ tổ tiên để cho chính mình tan thành nước mắt, dòng suối nước mắt nhớ ơn tiền nhân đã từ thế hệ này qua thế hệ khác chau chuốt cho tiếng Việt sớm trở nên cực kỳ diễm lệ.

Rồi Tây phương đến. Tôi nhớ đến mấy câu thơ sau này của Tế Hanh :

*Những ngày nghỉ học tôi hay lời
Đón chuyến tàu đi đến những ga*

để rồi nghe thấy :

*Lâu lâu còi rúc nghe rền rĩ
Lòng của người đi ráo kể về*

thì ai còn buồn kiểm soát tới rằng chữ « ga » kia là của Tây phương nhập cảng ?

Tôi mỉm cười tự đọc một câu :

*Cô kia má đỏ hồng hồng,
Bởi cô tắm gội sà phòng ca-dom*

thì chữ « sà phòng ca-dom » thực đã hoàn toàn bình dân hóa rồi.



Tôi có vài anh bạn luôn luôn nhắc nhở than phiền thể hệ thanh niên Việt ngày nay nói tiếng Pháp kém quá (!) Trong khi chắc chắn rằng không một người Pháp nào lại khó tính một cách kỳ quái nếu không phải là nô lệ, nhắc nhở chỉ trích một người Pháp khác đã không nói thạo tiếng Việt. Tôi bâng khuâng tự hỏi : Ngày nay mở lại những trang lịch sử văn học, chúng ta sở dĩ kiêu hãnh được vì những ca dao tục ngữ cùng những áng văn nôm khác, hay vì những bài thơ chữ Hán của Tùng Thiện Vương, Tuy Lý Vương ?

Thi đáo Tùng Tuy thất thịnh Đường,

Cụ thể hơn nữa, với cuốn «Chinh Phụ Ngâm». thi Đặng trần Côn và Đoàn thị Điểm, ai đã làm vinh dự cho ai ?

HÃY XÂY DỰNG MỘT NỀN ĐẠI HỌC VIỆT THUẦN TÚY

Có một hôm gặp anh bạn đã đỗ cử nhân toán học, tôi hỏi câu này :

— Theo ý anh nền đại học toán có nên chuyển ngay sang tiếng Việt ?

Đáp lời tôi anh có nêu mấy điểm khó khăn :

— Chúng ta còn phải học một vài giờ do giáo sư Pháp giảng dạy.

— Chúng ta còn phải dùng những sách Pháp. Và y khoa được khoa sở dĩ chưa chuyển sang tiếng Việt cũng chính vì những lẽ trên.

Anh bạn tôi lại tiếp :

— Và lại bài giải Toán trên này, cách hành văn trừu tượng vô cùng

Tôi biết ý anh bạn muốn gián tiếp nói : Vì trừu tượng như vậy nên khó học sang tiếng Việt.

Tôi biết lắm, một bài toán siêu việt ở trên này như bài toán của Fred Hoyle (1) tính tốc độ của các Thiên hà (galaxie), thì thực là cả một bài thơ thống thiết.

Chính vì vậy mà trước khi đề cập vấn đề «Hãy xây dựng một nền đại học Việt thuần túy» tôi phải nhập đề bằng cách chứng minh tất cả những gì là phong phú, là giàu sang, là tế nhị của tiếng Việt.

(1) Một nhà thiên văn học Anh hiện đại.

Nói về tế nhị, trong văn chương thế giới hình như không nước nào có được chữ « Ai » của ta.

Đề trả lời câu đùa của chồng hỏi lại mình : « Ai gọi ai lên ăn cơm đấy ! » người vợ đã trả lời : « Ai gọi ai lên ăn cơm chứ còn gọi ai nữa ! »

Một chữ ai mà chỉ cho cả ba ngôi.

Trong một áng văn nôm vào hạng thường thường của người Việt như cuốn « Nhị Độ Mai » cũng có thừa những câu :

Một mình bước xuống làm thình.

Mặc ai trên ấy tự tình với ai.

(Chữ ai trên chỉ Hạnh Nguyên, chữ ai dưới chỉ Mai Sinh).

Còn trừu tượng, thiết tưởng « Đạo Đức kinh » là một trong những pho sách trừu tượng vào bậc nhất của nhân loại. Vậy mà chúng ta đã từng dịch mà dịch bằng !

Ấy là tôi chưa kể những chữ như « nghìn » và « ngàn ». Tuy hai chữ chỉ là một và hoàn toàn đồng nghĩa nhưng vì âm cuối khác nhau mà chữ « nghìn » hầu như đi vào chiều sâu, và chữ « ngàn » hầu như toả ra chiều rộng.

Trong bài « Mầu thời gian » của Đoàn Phú Tứ đoạn trên có chữ « ngàn » :

Ngàn xưa không lạnh nữa, Tàn Phi.

Ta lặng dâng nàng.

Trời mây phẳng phất nhuộm thời gian.

và đoạn dưới có chữ « nghìn » :

Tóc mây một món chiếc dao vàng

Nghìn trùng e lệ phụng quân vương

Trăm năm tình cũ lia không hạn

Thà nép mày hoa thiếp phụ chàng.

Chữ « ngàn » ở trên đưa ta vào chiều rộng của dĩ vãng, hồn ta như lạc vào một cảnh trắng mờ sương lạnh man mác. Chữ « nghìn » ở sau đi vào chiều sâu thăm thẳm của một mối tình cung phi triu mến đáng quân vương. Chính tác giả Đoàn Phú Tứ sau này khi phân tách ra mới biết rằng mình đã theo trực giác mà đặt hai chữ rất đúng chỗ.

Và câu Kiều :

Dậm ngàn nước thăm non xa.

Biết đâu thân phận con ra thế này.

Nếu đọc là « dậm nghìn » chúng ta lại cảm thấy một ý niệm khác.

Học tiếng ngoại quốc là một điều rất cần. Học tiếng Anh dễ trực

tiếp đọc Shakespeare, Shelley, John Keats... Học tiếng Pháp để trực tiếp đọc Voltaire, Victor Hugo, Balzac, Musset...

Một người càng sử dụng được nhiều tiếng ngoại quốc càng dễ đào sâu được tình cảm mình. Một nước càng thu nhận được nhiều tư tưởng ngoại quốc, văn học nước đó càng dễ trở nên phong phú.

Bởi vậy từ Trung học đến Đại học, các học sinh và sinh viên của chúng ta vẫn thường bắt buộc phải học thêm một hoặc hai thứ tiếng ngoại quốc và ngày nay chúng ta vừa thành lập xong trường sinh ngữ.

Nhưng đâu có phải vì vậy mà chúng ta cứ giữ mãi tình trạng một vài ngành Đại học, học bằng tiếng Pháp ?

— Vì còn một số giáo sư Pháp dạy ở đó ư ?

— Sao chúng ta không bắt chước giải pháp của người Nhật. Đến giờ của giáo sư nước nào thì học bằng tiếng của giáo sư nước ấy, nhưng đến giờ của giáo sư Nhật, các sinh viên trở lại học bằng tiếng mẹ đẻ như thường.

— Vì thiếu sách bằng tiếng Việt ư ?

— Việc này chúng ta đã từng giải quyết. Năm 1945, chính quyền thực dân Pháp và phát xít Nhật vừa đổ, toàn dân nổi dậy giành được tự chủ. Nước đã độc lập thì nền văn hóa cũng phải độc lập. Trường Văn Khoa Đại Học đã được thành lập vào đạo đó !

Nước đã được độc lập thì các môn học phải được dạy hoàn toàn bằng tiếng Việt ít nhất là ở cấp Trung Học. Lập tức cuốn lịch sử của Malet và Issac dày trên 1000 trang được xé ra thành từng tập nhỏ từ 10 đến 20 trang, đem chia cho các giáo sư. Chỉ một tuần sau tất cả các trường Trung Học đã có đầy đủ tài liệu lịch sử bằng tiếng Việt !

Với nhiệt tâm xây dựng quốc học, quả thực chẳng có gì là khó cả, nhất là chúng ta đã được ông cha để lại cho một lợi khí vô cùng bén nhọn là tiếng Việt, tiếng mẹ đẻ của chúng ta. Nó đồng hóa các thứ tiếng, như chính chúng ta đã từng đồng hóa các tư tưởng ngoại lai.

Khi đọc văn liệu đầu tiên viết bằng tiếng Việt — bài « Đuổi cá sấu » của cụ Hàn Thuyên :

*Ngạc ngư kia hỡi, mây có hay.
Biển Đông rộng rãi là nơi này.
Phú Lương đây thuộc về thánh vực.
Lạc lối đâu mà lại đến đây ?*

Thấy lời văn nôm na, thể văn gọn gàng chúng ta ai chẳng tự nghĩ nếu trước đời Trần sớm có người như Cụ Hàn Thuyên, và sau đây nhiều người biết noi gương cụ thì pho văn học sử của ta hẳn phải dày hơn gấp bội.

Chúng ta đến nay vẫn tiếc việc cải tổ học hành đời Hồ, bị tướng tá nhà Minh là bè lũ Trương Phụ, Mộc Thạch, Liễu Thăng... sang vùi dập.

Chúng ta vẫn tiếc sự nghiệp của vua Quang Trung đã muốn gây dựng tinh thần văn chương đặc biệt nước nhà, thoát ly xiềng xích văn hóa Trung Hoa, dùng chữ nôm trong các chiếu biểu cùng các kỳ thi, mà không được vua Gia Long tiếp tục.

Chúng ta đều biết đồng ý với Khang Hữu Vi và Lương Khải Siêu trước đây sau khi đã sang du học Nhật và du lịch các nước Âu Mỹ, về làm sách công kích lối khoa cử Tàu, khen người Nhật biết lấy quốc ngữ làm căn bản cho nền giáo dục khiến dân trí chóng khôn biết.

Thì tại làm sao chúng ta không gấp tiến nốt một bước nhỏ xíu, để nền Đại Học của ta được thuần túy Việt ?

Hãy nhìn nền đại học của chúng ta ngày nay, phồn thịnh hơn thời Pháp thuộc biết bao nhiêu !

Tôi biết có chị nữ sinh viên đã có chồng, có con và lại đương có mang. Chị tiếp tục học năm thứ ba trường Luật cùng chồng. Và cuối niên học vừa rồi chị đã tốt nghiệp cử nhân... trước chồng.

Mới mấy ngày đầu niên khóa năm nay, riêng năm thứ nhất trường Luật đã có trên 600 sinh viên ghi tên.

Rồi đây khi tất cả các ngành Đại học khác đều học bằng tiếng mẹ đẻ, sự học còn phồn thịnh biết chừng nào nữa, và sẽ có biết bao gương khiến người ngoại quốc phải thán phục: bụng mang dạ chửa cấp sách vội vã đến trường.

Để kết luận một cách thật khách quan bài này, tôi xin nhường lời một người ngoại quốc. Ông Sinclair nguyên giám đốc Sở thông tin Anh nói về đức tính ham học hỏi của dân tộc ta trong tạp chí «Tây phương nói với Đông phương» :

—«Trong thời gian lưu trú tại Việt Nam, một trong những đặc điểm của người Việt đã làm tôi chú ý hơn hết là sự hiếu học

Điều làm tôi ngạc nhiên hơn nữa là lòng hiếu học của người Việt không giới hạn ở một số ít nhóm tuổi nào

Lòng hiếu học, ham muốn học hỏi ấy là một đặc tính quý báu của người Việt và là nền gốc của nguồn sinh lực quốc gia.»

Sau khi đã nhường lời cho ông Sinclair tôi xin nhường lời nói tối hậu cho các vị hữu trách về nền giáo dục nước nhà.

DOÃN QUỐC SỸ

GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC VỀ CA DAO MIỀN NAM

THÁI BẠCH

CA dao là những bài hát lưu hành trong dân-gian, hình thức-văn chương biểu hiện cho đời sống phong-tục và xã hội của nhân-dân trong xứ. Ca-dao miền Nam là những bài hát lưu hành ở miền Nam, là hình thức văn-chương biểu hiện cho đời sống phong tục và xã-hội của nhân-dân miền Nam.

Khổng-Tử nói : « *Bất học thi vô dĩ ngôn* » Thi đây là ca-dao. Câu này có nghĩa không biết ca-dao thì không thể nói chuyện vì không biết đến ca-dao tức là không biết đến phong tục tập quán của địa-phương, cũng như đời sống xã-hội ở trong một xứ hay một nước.

Người dân Việt-Nam chẳng lẽ không hiểu đến ca-dao Việt-Nam. Người dân miền Bắc miền Nam, chẳng lẽ không biết đến ca-dao của nhau và của mình, mà việc cần-thiết ở trước mắt hiện nay là ca-dao miền Nam, vì nơi đây, trong giai-đoạn lịch-sử này là chỗ tập trung tất cả những gì là tinh-hoa, là sinh-lực và khả-năng của đồng bào toàn quốc để đi đến một công cuộc vĩ-dại sau này là thống-nhất giang-sơn và lãnh-thổ.

Vì thế, với nhiệm-vụ phát huy tính chất văn-nghệ dân-tộc, chúng tôi muốn đem làm quà với các bạn bằng những câu ca-dao miền Nam, mà từ trước đến nay trong kho-tàng văn-hóa, chúng ta đã bỏ quên đến cả gần một thế-kỷ, chưa ai nhắc đến, và nhận thấy ra được cái tính chất và ý-nghĩa quan trọng của nó.

Đồng-Kim-Lân hồi còn nhỏ.

Đi bán rỏ nuôi mẹ già.

Anh gặp em đây không cửa không nhà.

Muốn vô gả nghĩa biết là được không.

Mới bước chân vào đất Đồng-Nai, Bến Nghé, chúng tôi đã được nghe câu hát này. Và sau đây là bài họa lại của một người con gái :

*Anh ví vậy còn sai.
Em thấy hoài thật quả.
Hễ khi hút đã.
Như Hành Giả loạn thiên.
Gặp buổi hết tiền như Lưu-Huyền chạy giặc.
Em có nói một hai lời làm mặt Trương Phi.
Hươi hỏa-kim thương
Dường Nha Tra xuất trận.
Năm chinh chồng như Tôn Tản xem thơ.
Mắt lim dim như ông Không nghiệm binh cơ
Phà hơi khói như Kinh Kha oán khí
Vui thú yên-hà, toại chí phong lưu.*

Người thanh-niên tự ví mình như một Đồng-Kim-Lân ngày trước, muốn đem cái chí lớn và cái tài học kinh-sử của mình ra để khoe cùng một thiếu-nữ. Song nàng cũng không kém đã trả lời lại chàng bằng một loạt những tên tuổi danh-nhân, cho chàng chỉ là một người có cái vẻ như Hành-Giả, Nha-Tra, Không-Minh, Tôn-Tản, Kinh-Kha, chứ nội-dung thì chẳng có chi là đáng kể. Cả hai thể thơ đều đã thoát ra mọi khuôn thức. Tự do, mộc mạc mà sâu sắc.

Có người bảo đồng-bào miền Nam ít biết đến điển-tích vì ít chú trọng đến nho học. Nhưng nhận xét thế là sai. Hai câu ca-dao trên này đã cụ thể trả lời.

*Anh tỷ cái phận anh.
Chẳng thà ở lều tranh.
Như thầy Tăng thầy Lộ.
Cũng không ham mộ như Vương Khải, Thạch Sùng.
Đạo người giữ vẹn bản cùng sá bao.*

Bảo người miền Nam xưa ít chuộng Thánh Hiền như Trung, Bối, nhưng thực tế không thích cái phù phiếm. Chứ như luân thường đạo lý thì vốn cũng, nếu không sao có những cái tiết tháo như mấy câu trên này nói ra cái tấm lòng đáng quý của một người thanh-niên, và sau đây là khẩu khí của một người phụ nữ, nếu anh là trai mà như vậy, thì em đây cũng quyết:

*Chẳng thà em chịu đói chịu rách.
Học theo cách bà Mạnh bà Khương.
Không thèm như chị Võ Hậu đời Đường.
Làm cho bại hoại càng thường nư danh.*

Chớ không như những kẻ :

*Thời loạn ly bậu đi qua Bắc.
Cơn thái bình bậu Bắc qua Nam.
.
Thuyền đưa bé sậy cũng đưa.
Thấy rau muống vượt, rau dĩa vượt theo.*

Cả hai người thanh niên và phụ nữ đã hiểu sợ qua về lập trường của nhau rồi sau cùng mới ngỏ lời ân ái :

*Ai xui em có má hồng.
Để người quân tử chưa trông đã thêm.*

Nếu là lời như vậy, người thanh niên sẽ tức khắc được người phụ-nữ trả lời ngay :

*Dầu ai gieo tiếng ngọc.
Dầu ai dệt lời vàng.
Trở trêu khúc phụng khúc hoàng.
Lòng em không giống như nàng Văn-quân.*

Còn người thanh-niên trước sau vẫn có những câu nói dàng hoàng :

*Cửu hạn phùng cam vũ,
Tha hương ngộ cố tri.
Tình cờ mà gặp mấy khi.
Hỏi thăm thực nữ giai kỳ định chưa?*

Thì người con gái cũng ân cần nhỏ nhẹ :

*Đạo vàng bỏ dấy kim hung.
Biết rằng quân tử có dùng hay chăng?*

Trên đây là những câu về tình ái, và còn nhiều nữa, song trong khuôn khổ bài này, chúng tôi hãy xin tạm giới thiệu với các bạn bấy nhiêu để chúng ta thấy rõ một phần nào về tâm hồn của đôi người trai gái thấy rõ cái cảnh sống của đồng bào miền Nam là yêu thích tự do, nhưng rất trọng luân thường và đạo-lý.

Những câu ca-đạo trên này tuy không bóng bẩy hoa thêu gấm dệt nhưng quý giá vô cùng ở chỗ thành thực và có một màu sắc đặc biệt của địa-phương.

Còn về gia đình thì đây là những câu của cô bác răn bảo các con em đi học :

*Nhỏ con thơ dại biết chi.
Lớn rồi đi học, học thì phải xiêng.
Theo đòi cũng thề bút nghiên.
Thua em kém chị cũng nên hờ mình.*

Quán thần phụ tử phu thê.
 Tam cang thừa ngũ giả.
 Kỳ-nhiên kia anh không kỳ-nhiên.
 Anh làm trai học đạo thánh hiền.
 Năm hằng chẳng trễ ba giếng chó sa.

Và đây là câu khuyên bảo các chị em nông-thôn :

Đàn bà thì phải nuôi heo,
 Thời vận đương nghèo nuôi chẳng dặng trâu.

Mới nghe như tin ở số mệnh trời đất, nhưng không, thiết thực lắm, nhà nghèo thì hãy cứ nuôi heo đi đã, chó đừng tính đến chuyện to tát mắc tiền như đi mua trâu vậy. Cũng như kinh nghiệm của những người buôn bán hề thấy chim bìm bịp kêu hãy khoan tính đến câu chuyện lớn :

Bìm bịp kêu nước lớn anh ơi.
 Buôn bán không lời chèo chống mỗi mê.

Miền Nam là xứ ruộng, căn bản sinh hoạt của nhân-dân trước đây là tất cả đều nhờ vào ruộng rẫy. Người miền Nam chẳng những đã rất thích nghề nông :

Công danh đeo đuổi mà chi.
 Sạc bắng chăm chỉ giữ nghề canh nông.
 Trâu anh còn cỡi còn dòng,
 Lại thêm con ghé lòng thông theo sau.

Và đề cao người phụ-nữ nông thôn, khuyên ra sức làm ăn, cái đẹp của người con gái ở chỗ có tư cách, có xiềng năng chịu khó, chó không phải ở chỗ cấm cung cho răng trắng má hồng, dặng đề kiếm chồng cậu phán ông thông :

Trắng như bông lòng anh không chuộng.
 Đen như cục than hàm, làm ruộng khá thương.

Người nông-dân phải biết chăm chỉ nghề nông, phải cùng nhau thương yêu đoàn kết và cố gắng :

Nước còn quyến cát làm doi.
 Hướng chi ta chẳng lải bồi lấy nhau.
 Tay cầm dĩa muối sàng rau.
 Thủy chung như nứt sang giàu mặc ai.
 Bàn tay có ngón dài ngón ngắn
 Con một nhà dứa trắng dứa đen.
 Hễ ăn vóc học quen.
 Dù ai chê vụng tạp rèn mãi cũng nên thân.

Sách có chữ : « tích đức tu nhân »
Hoạn nạn tương cứu, phú bần tương tri.

Và dưới đây là những câu ca-dao biểu lộ một tinh thần Hán-học đã thấm nhuần trong tư tưởng của đồng-bào miền Nam :

Thủy đề ngư thiên biên nhan.
Cao khả sạ hề, ngư khả diếu.
Chỉ kích nhân tâm bất khả phòng.
E sau lòng lại đôi lòng.
Nhiều tay tham bươi ché hồng lắm anh.

Mảng coi vua Ngu-Thuấn canh điền.
Chim thời cần cỏ, tượng hiền nhờ cây.

Bao giờ đồng ruộng thành thoi.
Năm trâu thoi sấp vui đời Thuấn, Nghiêu

Vua Thuấn cày trên sông Lịch
Miệng thả ví dò, tay quất nhành ổi.
Ổng dịch dài khen ai khéo thời,
Giọng thâm trầm nhiều nỗi xót xa.
Nước ngã ba chảy ra dòng Dừa.
Nghe giọng em hò, anh ứa lụy rơi.

Ngoài những câu ca-dao chứa đựng một tinh-thần Hán-học uyên thâm này, đồng bào miền Nam còn có nhiều bài hát rất du dương trầm bổng, như dưới đây là bài hát Huê-tinh, mà cũng gọi là bài *Hát giọng nhà thương*, cốt ý đề trêu hoa gheo nguyệt:

Đèo nào cao bằng đèo Châu-dốc.
Đất nào dốc bằng đất Nam-Vang.
Một tiếng anh than, hai hàng lụy nhỏ.
Anh có một mẹ già biết bỏ ai nuôi.

Họa hồ họa bì nan họa cốt.
Tri nhân tri diện bất tri tâm.
Thuở xưa kia anh không biết, anh lầm,
Bây giờ anh rõ đặng, vàng cầm anh cũng buông.

Con cá đối nằm trong cội đá.
Con chim đa đa đậu nhánh đa đa.
Anh biểu em đừng có lấy chồng xa.
Mai sau cha yếu mẹ già.
Chén cơm đôi đũa, kỷ trà ai dựng?

Đá cheo leo trâu trèo trâu trượt.
 Ngựa trèo ngựa đổ.
 Tiếc công anh lao khổ.
 Tự cổ chí kim.
 Mắt em đi, anh khó kiếm khó tìm.

Bây giờ em đã kiếm anh vắng rồi.
 Cũng giả tử như cây kim mà lòn sợi chỉ.
 Sao em không biết nghĩ biết suy.
 Em ham nơi quyền quý, em không có nghĩ gì tới anh.

Quả năm ngăn trong lòng sơn đỏ.
 Mấy lời to nhỏ bỏ bạn sao đành.
 Chừng nào chiếc xáng bung vành.
 Tàu tây liệt máy, em mới đành xa em.

Thà tôi bạn rách bạn rưới.
 Đề cho cha mẹ vợ tôi bạn lành.
 Công ơn cha mẹ sinh thành con vợ tôi.

Mặc dù là trâu hoa ghẹo nguyệt, nhưng không phải quá xuống xã và tục tằn như nhiều câu ở những nơi khác, và biết phân trần ra những cái phải trái, không thương nhau thì thôi đã thương thì thủy chung gắn bó, đã thương thì biết nghĩ có cha có mẹ, chớ không phải ăn xối ở nhờ thì như cái cảnh:

Sài Gòn mũi đỏ.
 Gia-định xấp-lẻ.
 Giã hiên-thê ở lại lấy chồng
 Thuyền anh ra cửa như rồng lên mây.

Làm cho người bạn chiếu chẵn, đầu gối tay ấp đã nguyên hai chữ đồng tâm, bỗng nay phải chịu nỗi trường tình đau khổ, kẻ ở người đi, không mong ngày trở lại:

Đèo nào cao bằng đèo Châu-dốc.
 Ngọn gió nào độc bằng ngọn gió Gò Công.
 Nỗi đông phong lạc vợ xa chồng.
 Đêm nằm nghĩ lại nước mắt hồng tuôn rơi.
 Trời mưa vẫn vũ.
 Tình cũ xa rồi.
 Biết ai nường dựa lẫn hồi tam thân.

Đó các bạn đã thấy chưa, ca-dao miền Nam là giàu luân-lý, giàu tình cảm, và đủ màu đủ sắc, đủ âm-thanh nhạc-điệu như thế. Còn nhiều lắm. Ấy thế mà trước nay trong giới văn-học, các nhà cầm bút vẫn bỏ

THÁI BẠCH

quên, cơ hồ như không còn nhắc đến. Thậm chí cho đến quyển lịch-sử Việt Nam của ông Trần-trọng-Kim do chính tay tác-giả đã sửa lại sau này mà cũng hầu như bỏ lãng đi tất cả những gì là những trang sử oai-hùng, và đẹp đẽ của đồng-bào miền Nam.

Các nhà khảo cứu và biên tập về văn chương bình-dân đã xuất hiện khá nhiều, nhưng chỉ thấy đưa ra những gì đã có trong sách vở từ mấy thế-kỷ nay. Các nhà xuất bản cũng vẫn còn có quan-niệm cho rằng những tập ca-dao của ông Nguyễn-văn-Ngọc là đầy đủ, nhưng không biết đó chỉ mới là phần nửa Việt-Nam, những câu ca-dao, tục ngữ đó không phải là của cả toàn dân mà mới chỉ là ở hai miền Trung, Bắc.

Ca-dao miền Nam khác ca-dao miền Bắc, ca-dao miền Bắc không thể lấy làm ca-dao miền Nam được. Cho nên nói chuyện đến văn-nghệ bình-dân, đến tính chất dân-tộc của toàn-quốc mà bỏ quên không biết đến ca-dao, tục-ngữ miền Nam, thì tuy cầm bút viết văn ở thế-kỷ hai mươi này, song cũng vẫn còn cái quan-niệm về lịch-sử và địa-dư nước nhà như ở khoảng thế-kỷ 14, 15, một thế-kỷ mà dân-tộc Việt-Nam mới có từ Nghệ-An và Hà-Tĩnh trở ra.

THÁI BẠCH

THƠ TRẦN THANH HIỆP

ĐÊM PHỐ DELHI

Đêm phố Delhi đèn hung cười du khách
Gió vui mời thành
Delhi India
Sáng nhánh đường nằm
Bước chân buồn lá
Dinh tròn thâm biển mây
Tung nước ngọn hồn em trắng
Kiêu hãnh giảng cờ
Vòm khải hoàn vĩ đại
Quyến rũ rồi Delhi ơi.

MAHATMA MAHATMA

Một lòng thương không bờ
Vỡ tim bốn trăm triệu
Kéo đổ ngục tù
Hoa nở tự do lộng lẫy Delhi
Thấp đước kim cương
Kiếp người lấm bụi

GAUTAMA GAUTAMA

Cửa Niết Bàn khép mở nhiệm màu
Đường Delhi chừng lạc nẻo
Lệ buồn nghiêng mắt
Mộ người thế kỷ khóc xuân thu
Đêm phố Delhi thơm nhạc kinh thành
Màu bay mưa sao
Mượn hơi thở
Sưởi ấm ngục tù
Phút sống Delhi India
Biếc hương những đêm nghìn lẻ

TRẦN THANH HIỆP

HỒ HUẾ

TÔ KIỀU NGÂN

gửi HÀ VIỆT PHƯƠNG

Nói là hồ Huế nhưng chính là hồ Bình Trị Thiên, ba vùng xứng đáng đại diện rõ ràng cho giai điệu miền Trung. Trở ra, qua một con sông, đi vào, vượt một quả núi ; giọng hò, điệu hát đã trở thành khác hẳn. Dưới chân đèo Ải-Vân, giọng hò ngọt hơn, cái đuôi của từng tiếng có khuynh hướng cong lên thành nửa cái vòng tròn. Đi ra phía Bắc, vượt qua sông Gianh, chúng ta sẽ nghe giọng hò hát Nghệ, Tĩnh nặng hẳn đi ; giọng hò như bị phạt đi bớt một góc và có khuynh hướng chúi xuống thấp. Chỉ có Bình Trị Thiên là chung nhau những giọng điệu tạo thành cái kho tàng âm thanh phong phú mà bao người từng khai thác, mang vào nhạc, vào thơ.

Chúng ta đã từng yêu những khúc dân ca lồng khung trong nét nhạc mới, mô phỏng cái hơi Huế nhưng sao những đoạn hò trong *Về miền Trung*, cái hơi Nam Ai, Nam Bình trong *Đêm Tân Bến Ngự* hay *Mơ về sông Hương* vẫn làm chúng ta bức bối không thoả mãn. Ta có cảm giác giống hệt như là khi uống phải thứ trà Vũ Di Sơn trồng tại Việt Nam pha trong một chiếc ấm Mạnh Phần nặn bằng đất sét Biên Hòa. Nghe hò Huế phải nghe đến nơi, đến chốn. Không phải là nghe qua máy vi âm, qua nét nhạc của Phạm Duy hay Dương Thiệu Tước mà phải là một khách về xuôi nằm trong một con đò dọc. Đò trôi trong trăng, mái chèo đập nước, đôi bờ giang thôn lau lách đìu hiu. Hai bên bờ xóm làng chìm trong sương mờ, đôi ánh đèn cọn thấp thoáng, vạn vật im hơi, không gian lắng lại cho tiếng hò nổi lên. Giọng hò mái nhì, mái đẩy cất lên tha thiết, náo nùng. Mỗi lời kể lẽ lại kèm theo những tiếng hò...ơ đòi đoạn. Tiếng hò bốc lên ở thuyền này đuổi theo tiếng hò vừa dứt từ chiếc thuyền đi trước. Hai chiếc thuyền cách nhau một khoảng cho vừa đủ nghe nhau. Từ khi tiếng hò nổi lên, tất cả các

tiếng động khác hình như thu mình lại để cho giữa khoảng mênh mông trời nước ấy chỉ còn tiếng hò đuổi nhau, với mái chèo đập nước đặt diu, không ai biết mặt những người nghệ sỹ của sông nước này. Ngay chính họ, người con gái đang hò đối đáp với người con trai đang «ân tình» với mình kia trên chiếc thuyền đi trước, cũng không hề biết mặt nhau. Sông nước mông mênh có biết bao là ngã ba đường rẽ. Đò dọc hay gặp nhau và gặp nhau thì họ tỏ tình. Những lời tâm sự vờn lên không gian, giao nhau trên sông nước nhiều khi đã đi đến độ đắm thắm mà hai người vẫn chẳng hề biết mặt nhau. Có khi câu chuyện ân tình bị nửa chừng gián đoạn vì thuyền trước hay thuyền sau phải ghé vào một bến bờ nào đó. Thuyền kia lại đi nhưng giọng hò đã tắt. Phải đợi đến khi bắt chợt được một bóng đò nào khác thấp thoáng trong sương mờ, họ mới lại cất tiếng trao tình. Nếu bên kia có tiếng đáp lại thì giọng hò lại đuổi nhau, nức nở, thiết tha quyến vào nhau cho quên đi cái cảnh diu hiu sông nước, đêm dài. Rồi mỗi người một ngã, bóng đò nhòa trong bóng đêm, người ta không còn biết đã gặp nhau trên bến sông nào nữa nhưng tiếng hò thì còn sống mãi trong lòng thành những kỷ niệm, những mối tình man mác, mơ hồ.

Khách buôn bán đi chợ Phiên Cam Lộ, về Thế Chí, Phong Lai, khi hàng hóa đã xếp vào khoang là họ nghĩ ngay đến hò. Họ hò từ khi thuyền vừa nhổ sào lúc chập tối cho đến khi thuyền cập bến trong ánh bình minh. Không hò quả là một sự thiếu sót lớn vì còn gì buồn hơn là một con đò, một cánh trúc, một khoảng trời nước mông mênh mà lại thiếu đi một giọng hò.

Thường thường là *hò mái nhì, mái dầy, mái ba*. Chỉ một câu lục bát nhưng được thêm thắt, biến thể ra thành hằng chục điệu hát, hò.

Tùy theo nội dung mà định hình thức, người ca sỹ của sông nước kia không hề nô lệ một khuôn khổ, tiết điệu nào. Họ tùy tiếng lòng thồn thức của mình mà gia giảm nhịp tiết, thay đổi âm giai. Những người nông dân chất phác kia ai ngờ lại vừa là nhạc sỹ vừa là thi sỹ một cách tài tình. Họ không hề biết thế nào là lập thể, siêu hình, ấn tượng nhưng họ đã rung cảm người nghe một cách sâu xa. Cái giọng ấy, cái điệu ấy, cái lời ấy sao mà thiết tha, say đắm, cời mở, chưa đựng đến thế! Quả đó là tiếng nói của người dân nhược tiểu, của con người trầm lắng phương Đông. Nó không ồn ào, không hời hợt, không vụ bề mặt mà chuộng bề sâu, tác dụng đến xao xuyến cả người nghe, ám ảnh dẻo dai, bền bỉ. Nếu cao độ của nghệ thuật là u hoài thì chính giọng hò miền Trung đã nói được hết cái u hoài. Từ *hò mái nhì, mái dầy* đến *hò ru em, hò giã gạo, hò ô, hò đưa linh, hò nện, hò kéo gô, hò bài thai, bài chời*, điệu nào cũng mang nhiều nét buồn hơn vui. Tuy nhiên, buồn mà không làm cho mình rời rã, đời trụy, vui mà không đến nỗi tham vọng, điên cuồng.

Nội dung những điệu hò mái nhì, mái đảy phần nhiều là những mối tình dang dở, những tiếng lòng ảm ức mà trong tù ngục của lễ nghi không được thốt ra cho nên mới mượn cái cảnh sông nước, đêm trăng để gửi vào không gian cho vơi niềm sầu muộn. Ai cùng chung một tâm sự thì cứ việc hưởng ứng, góp tiếng, chung lời. Đi trên một chuyến đò dọc, đôi khi ta nghe trọn hết một chuyện tình. Khởi đầu, bao giờ cũng là những lời ước thề :

*Ai về cầu ngói Thanh Toàn
Cho em về với một đoàn cho vui*

*Ai về cầu ngói Dạ Lê
Cho em về với thăm quê bên chàng.*

Khi thì than nỗi mình cô quạnh mong tìm một người tri kỷ :

*Thiên sanh nhơn hà nhơn vô lộc
Địa sanh thảo hà thảo vô căn.*

*Một mình em ngồi giữa lòng thuyền dưới nước, trên trăng
Biết có ai trao duyên, gửi phận cho bằng thế gian*

Cuộc đời ngắn ngủi, tình duyên mong manh đã gặp nhau sao còn ngần ngại gì mà không nói tình sông nước. Bởi vì :

*Con chim Phượng Hoàng bay ngang biển Bắc
Con cá ngư ông móng nước ngoài khơi
Gặp nhau đây xin phân tỏ một đôi lời
Kẻo mai kia con cá về sông Vịnh, con chim nọ đôi dơi non Nam*

Đến giai đoạn thử thách :

*Ai bưng cau, trầu, rượu đến đó
Hãy chịu khó mang về
Em đây đang theo chân thầy, gót mẹ cho trọn bề hiếu trung.*

Nếu người con trai vẫn khẳng khẳng một mực thương yêu, người con gái sẽ hỏi :

*Thiếu chi nơi biển rộng sông dài
Anh con nhẽ ngư nghệ vô lẽ ôm chài ngồi không*

Người con trai, khi yêu đương, đã có sẵn cái quan niệm là chỉ quý cái mặn nồng tình nghĩa mà bỏ ra ngoài cái phú quý, giàu sang, cho nên anh đáp :

*Thiếu chi nơi cam rim, hường rim anh không chuộng
Mà anh đi tìm khế rụng bờ ao.
Khế rụng bờ ao ngọt ngào anh chuộng
Cam, hường, dào rụng cuống anh chê*

Sau đây là những câu diễn tả cái độ đắm thắm của ân tình :

*Đường đi cả lách vời lau
Cả tràm vời chũm bở nhau sao đành
Trồng hường bẻ lá che lường
Thương anh bắt quẩn đôi đường xa xuôi
Tai em nghe anh đau đầu chưa khá
Vội băng đồng, chỉ sá hái nắm lá cho anh xông
Nghĩ làm ri mới nên đạo vợ chồng
Đồ mờ hôi ra thì em chặm, ngọn gió lồng em che
Lời thề hót mái tóc xanh
Quyết theo nhau cho trọn, tử vời sanh có trời*

Khi xa nhau, tình duyên đang dở, lời hò càng trở nên tha thiết và vô cùng lãng mạn : Nó rất mộc mạc nhưng chính cái mộc mạc này đã làm tăng sự nhớ thương lên thêm nồng nàn :

*Trời mưa trời gió vác đó (1) ra đơm
Chạy vô ăn cơm chạy ra mất đó
Kể từ ngày ai lấy đó đó ơi
Đó để cho đây phân qua, nói lại đôi lời đó nghe
Thơ dưới gởi lên, thơ trên gởi xuống
Đang ăn, đang uống, bỏ bữa xem thơ
Nước mắt em lai láng hết nửa tờ
Vì Hoàng Thiên chưa nhứt định nên mới sa cơ hội này*

Yêu nhau mà không lấy được nhau, họ cho là vì trời trên không định nhưng đang ăn, đang uống mà bỏ bữa xem thơ để cho nước mắt kia lai láng hết nửa tờ thì quả mối tình kia cũng tha thiết lắm thay. Có khi xa nhau vì gia đình cấm đoán, người con gái chỉ đành biết ngậm ngùi :

*Con cá tróc vì hiềm vì nước chảy
Gần cầu gãy vì bởi bụi hóp cong
Bởi vì anh mượn người mai chước không xong
Khiến xui nên căn duyên trắc trở xui tằm lòng em khó nguôi*

Trước một sự đã rồi, họ đành chỉ biết đau đớn mà nhớ lại mối tình xưa :

*Áo đang khô ai ngờ áo ướt
Cũng bởi vì anh chậm bước*

(1) Đó là một dụng cụ đơm cá. Tác giả câu hò này đã khéo lợi dụng chữ đó để đối với chữ đây Đó có nghĩa là đằng ấy.

Nên thầy mẹ gả trước em đi

Thôi thôi anh trở lui về thừa với thầy mẹ cưới vợ cho anh đi

Dẫu sao đi nữa em vẫn nhớ cái nghĩa gắn ghi với nhau hoài.

Nhiều khi, xa nhau là vì giữa hai người có một kẻ phụ nhau :

Anh nói với em như riu chém xuống đá

Như rạ chém xuống đất, như mật rót vào tai

Nay chừ anh đã nghe ai

Bỏ em giữa chốn non Đoài, thăm chưa

Chim xa bầy còn thương cây, nhớ cội

Người lạc người tội lắm người ơi

Chẳng thà không biết thì thôi

Biết rồi đôi lứa, đôi nơi cũng buồn

Sen xa hồ sen khó hồ cạn

Lưu xa đào, lưu ngã, đào nghiêng

Vàng cầm trên tay rót xuống không phiền

Phiền người bội nghĩa biết mấy mươi niên cho giải sẵn

Họ nhắc lại những kỷ niệm xưa :

Nào khi gánh nặng em chờ

Qua truông em đợi bây giờ nghe ai

Anh nghe ai lười mềm chuốt ngọt

Nay chừ chừ dờm gót đưa chân

Được buồng này khuấy buồng nọ

Không nhớ nghĩa Châu Trần ngày xưa

Đường đi lên quẩn quẩn, queo queo

Đường đi xuống queo queo vườn dâu

Hai đứa mình ân ái đã lâu

Ai vô đây bày mưu, sắp lớp cho duyên nợ này khó phân

Những câu hò này là một chứng cứ hùng hồn tỏ ra rằng cái khả năng sáng tác của bình dân vốn thật là phong phú. Không những sáng tác phong phú, họ còn đối đáp rất nhanh chóng và tài tình. Phải có phản ứng vô cùng bén nhạy óc tưởng tượng phong phú và một tấm lòng sẵn

rung động thì mới có thể hò đối đáp với nhau như thế qua những đêm dài.

Những điệu hò này sống qua không gian, thời gian, qua mỗi bến sông, thôn ồ lại được sửa đổi, thêm thắt về lời điệu để rồi cuộc trở thành cái tiếng nói chung của tập thể, một tập thể thuộc vào cái nòi tình, giống nhạc là con người Việt Nam, con người Á Đông mà lý trí và tình cảm vẫn chọi nhau để tìm cái thế thăng bằng. Và, tiếng hò miền Trung, với giọng điệu réo rắt, với những tình cảm thâm trầm, tha thiết của nó quả xứng đáng là cái tiếng lòng cởi mở của chúng ta, những kẻ từ lâu vẫn trọng chữ tình và qua bao biến cố, đau thương, giờ đây lại càng thêm thấy rõ giá trị của chữ Tình.

TÔ KIỀU NGÂN

THU · TRÊN ĐẤT LÀO

TẠ TỴ

THÀNH phố Vạn - Tượng nằm giải trên bờ sông Mékong lững lờ chảy xuôi theo đôi bờ cát trắng.

Vạn-Tượng, Vạn-Tượng, xứ của Phật, của lòng tin ngưỡng vô biên giữa con người và đấng thiêng liêng.

Từng buổi sớm, có những nàng «phù sảo» xiêm y rực rỡ quỳ xuống ven đường dâng bình xôi ngang đầu, khi thấy bóng những chiếc áo vàng nghiêm trang màu khêu hạnh đang từ từ đi sâu vào lòng thành phố. Nắng cuối thu trong như một hạt kim cương, lấp lánh, nhảy múa trên những nóc nhà rêu phong, khắp khềnh. Nắng đùa trên những ngọn phi lao cao vút đến trời xanh.

Vạn-Tượng, xứ của màu sắc, đất của ái tình. Con người lững xuống, lững xuống một quá khứ, mà ở đây nền văn minh cơ khí hầu như không bao giờ xâm nhập qua ngưỡng cửa tâm hồn. Cuộc sống ở đây, dẹt bằng thơ và mộng. Không có đấu tranh và chẳng hề hờn tủi. Sắc màu được tự do lựa chọn qua những mảnh «sarong» chói chang màu hoang dại như những tấm thảm Ba-Tư thời Trung Cổ. Có những đôi mắt trong như nước trường giang. Có những đôi môi thắm ánh dương hồng, và có những đôi má căng tròn quả chín. Người con gái Lào đẹp như một con rắn trườn mình trong rừng vắng, và đáng yêu như một nụ cười.

Nắng lên, nắng lên rồi trong một ngày thu chết muộn. Từng mảng nắng vàng lấp lánh như muôn vạn cánh bướm lạc loài vương trên thảm cỏ. Mây trời cao và xanh quá muốn làm cho ngợp.

Những mái chùa cong vút, nằm im lìm dưới gốc cọ già và căn cỗi như những thân hình các nhà sư đang nhắm mắt để mơ thấy Nát Bàn, bỏ quên cuộc sống bên ngoài có những lối mòn phơi bụi đỏ.

Thành phố Vạn Tượng có duyên trong cảm nín.

Chiều xuống giữa lòng sông Mékong. Màu tím của trời ngưng đọng lại và hình như chết đi trong cái tê tái của hàng cây trụi lá cuối thu. Dòng nước xám ngắt, mệnh mang giữa đôi bờ cách biệt. Tiếng mái chèo vỗ nước nhẹ nhẹ rung lên giữa buổi chiều cô tịch. Những ánh đèn đỏ quạnh, chạy thấp thoáng trên bờ phố đìu hiu.

Chiều xuống, chiều xuống rồi ở bên kia bờ biên giới. Có những đốm lửa sáng lên. Cũng những đốm lửa ấy, nhưng chỉ cách có một dòng nước, mà thấy nó xa xôi làm sao, có lẽ trong lòng kẻ nhìn đèn có biên giới chăng?

Dòng sông Mékong đen kịt lại, và con trăng nhô lên xanh biếc như chiếc đĩa thủy tinh sau vòm cây sơ sác. Gió về theo trăng thổi mát tay. Mùa thu ở đây, làm nhớ mùa thu đất Bắc. Gió heo may về trên đất Lào, về cả tâm hồn của những kẻ ly hương nhớ thương mảnh vườn, mái lá và những kỷ niệm xa xưa! Tình hoài hương làm cho lạnh cứng đôi môi.

Con trăng đã lên cao, và đang cài trên ngọn phi lao cuối xóm. Mặt sông đã chảy đầy ánh sáng, một thứ ánh sáng dẹt bằng mộng và thơ, hơn nữa, của ái tình và thỏa mãn. Một khúc nhạc nổi lên chập chờn, xa vắng. Đó đây dăm bảy tiếng cười lả lơi trong lùm cây, khóm cỏ. Tất cả hợp lại thành một bản trường ca bất tận của dân tộc Lào để làm thành nghĩa sống. Hình như, có người muốn tìm sự nghiệp, và cuộc sống vào cái suối mê ly của hiện tại.

Thành phố Vạn-Tượng đìu hiu, dấy lên một niềm khát vọng. Những ô cửa thấp lẹ loè ánh lửa vàng vọt không xua đuổi nổi bóng tối mệnh mông bao trùm trên những nẻo đường ngập ngựa rác và bụi.

Buồn quá đi thôi, có những khung vuông đã khép chặt màu sắc của người đẹp, đứng trên lan can nhìn hoàng hôn rung trên sông Mékong với sự ước mong rạo rực in trong đáy mắt và rung động toàn thân khi bất chợt thấy bóng khuâng ngời kể bên mình. Giòng trăng chảy xiết trên mặt nước rờn rợn. Có một con thuyền nhỏ đi dần vào u tối.

Hàng cây cao vút che lấp ánh trăng soi vào lối xóm Dạ-Lạc. Có những chàng lãng tử hát ngêu ngao sau khi hành lạc. Tiếng hát kéo lê thê, ảm ướt đập xuống mặt đường rồi ngân dài theo hơi gió. Tiếng hát mới thắm thía làm sao, nó chập chờn, nửa

như luyến tiếc nửa như giận hờn. Nào ai biết, có một mối tình mới khám phá ra, và một mối tình vừa mới chết ?

Niềm vui của đêm sâu giữa đất Lào đang khiêu vũ trên những tấm « sarong » màu huyết dụ.

Tiếng hát chưa tan hết thanh âm thì tiếng nhạc lại nổi lên theo những bước chân nhẩy xậm xập trên nền gỗ láng. Cung đàn nấn nủi dặt dìu những cung bậc lưu huyền của điệp khúc « Lam Thôn ». Những cô gái thoa thắm đôi môi, cười như chiêm bao. Những đôi ngực chứa đầy nhựa sống căng lên mầm đất trào sức sống không tàn phai của ái tình và rượu mạnh. Những cánh xiêm y bó chặt lấy đường cong lượn sóng như ru hồn vào một thế giới nửa vời.

Có ai thêm khát xin mời vào, môi của người sẽ không bao giờ lạnh và áo của người không sợ ướt khi quên đường về.

Có một kẻ ôm đàn, ngủ trên bờ sông vắng. Từng đợt sóng xa xôi của dòng sông Mékong trào lên mi mắt. Khối nhớ thương của năm tháng phai dần đột nhiên trở lại và tảo bạo hơn tuổi đôi mươi. Nằm giữa đôi bờ biên giới, nghe sóng nước rì rầm xô bờ cát. Những con thuyền viên xừ buông neo lạnh lùng tắm ánh trăng xuống.

Một vài tiếng động rơi bơ vơ giữa cái ử tịch của Đất Trời. Có lẽ là những cành lá cuối cùng của một mùa sắp chết, hay là tiếng chân ai đạp trên những mảnh tình đẹp, đã tan vỡ làm nghẹn thở trái tim. Chỉ có những đường cong vút lên của những mái chùa Vạn Tượng họa chằng hiều nổi. Nhưng, cảm nín vốn là đức tính cần thiết nhất cho những màu vàng của Đạo giáo ngàn xưa và cả ngàn sau nếu ai tìm hiểu.

Nằm ngủ suốt một đêm trên bờ sông Mékong, tưởng như mình đã chết.

TẠ TÝ

Vạn Tượng 56

QUA CÁC BỘ MÔN VĂN NGHỆ

HỘI HỌA :

CUỘC TRIỂN LÃM HỘI HỌA, SƠN MÀI, ĐỒ GỐM

do hội Văn hóa Việt Nam tổ chức

Những người yêu mỹ thuật thủ đô Sài Gòn vừa được xem một cuộc triển lãm xứng đáng với tên của nó tại phòng thông tin đường Tự Do với sự tổ chức của hội văn hóa V. N. và dưới quyền bảo trợ của Bộ Thông Tin.

Đã lâu lắm người ta mới lại được dịp thưởng thức luôn một thể các ngành mỹ thuật nước nhà trong một phòng triển lãm rộng lớn như kỳ này. Lượng số các tác phẩm khá nhiều đến nỗi bầy chật cả gian phòng mặc dầu đã có những tấm bảng gỗ lớn từng ngàn khoảng một. Chúng tôi thấy những bộ bàn ăn, ghế, giường, tủ chè, tủ đựng rượu, bàn làm việc bằng sơn mài rất tinh vi, lại có những lọ, đĩa, là sản phẩm của công nghệ đồ gốm Biên Hòa, trạm trở tinh tế. Ngoài ra còn nhiều tấm sơn mài bên cạnh nhiều tranh ảnh của các họa sĩ Việt-Nam hiện đại như Ngô Bảo, Nguyễn văn Rô, Văn Thọ, Văn Đen, Thuận Hồ, Nguyễn Tùng, Ngô văn Hoa, Nguyễn Siên, Nguyễn văn Hoa, Trần Đắc, Thành Lễ, Trương văn Thanh, Nguyễn Sao, Nguyễn trí Minh, Trương đẳng Bách, Lý phú Thọ, Phan Duyên.

Những tranh vẽ cũng có nhiều loại như sơn dầu, bột màu thuốc nước, phấn màu diễn đạt bằng một kỹ thuật hiện thực rất dễ hiểu, rất khéo.

Người ta trầm trồ khen ngợi những con trâu, bụi tre, những cô thiếu nữ xuân xanh. Mơn mớn đã nói lên dân tộc tính Việt Nam, diễn tả dưới ngọn bút điêu luyện của từng họa sĩ. Nhìn lại phòng triển lãm năm nay ai nấy đều hài lòng thấy nền mỹ nghệ nước nhà lên tới một độ khá cao. Ta cứ so sánh những bàn ghế, giường tủ của ta làm không kém gì những đồ đặc ngoại quốc thì biết.

Nếu hội văn hóa Việt Nam cứ luôn săn sóc và tổ chức những cuộc triển lãm nghệ thuật như thế này tôi tin rằng ngành mỹ nghệ thủ công nghiệp nước mình có thể đi rất xa và những sản phẩm mỹ thuật sẽ bán rất chạy là khác.

DUY THANH

SỢ LỬA CỦA QUỐC SỸ

Người Việt xuất bản

Tôi đi vào « sợ lửa » của Quốc Sỹ không bờ ngõ, mà trái lại. Không phải vì tôi đã được đọc Quốc Sỹ và một số sáng tác trong « Sợ Lửa » trước khi nó ra đời. Người ta luôn luôn muốn đọc lại Quốc Sỹ hoặc chỉ để đọc không thôi, hoặc để suy tưởng ít điều : tác phẩm của anh có một công dụng thường xuyên, phong phú và phức biệt đối với một lứa tuổi trời.

Nói rằng « Sợ Lửa » phi thời gian thì không đúng (Tôi vẫn không thỏa mãn với danh từ Truyện cổ tích). Sau cái bề ngoài có vẻ muốn trộn lẫn quá khứ, hiện tại với vị lai, ta vẫn thấy Quốc-Sỹ nặng mang cái đau-nhục của hiện tại. Có điều anh muốn thần-thánh-hóa cái đau nhức của anh trong dòng thiên-kỷ. Tôi tin rằng Quốc Sỹ đã thành công và không có một thứ lửa nào có thể thiêu cháy được chất oán-cửu tinh-lọc đó. Khởi đầu anh đã sẵn-sàng tha-thứ và như thế tước trọn khí giới kẻ địch.

Đừng tìm một tác giả quá-vãng riêng rẽ nào trong Quốc Sỹ. Ở « Sợ Lửa » có một Bồ-Tùng Linh say đắm, một Edgar Poe quái-đản, một Perrault dí dỏm, một Hoffman thắc mắc, một Andersen siêu thoát. Tất cả gạn lọc, biến màu đi để tạo nên một người Việt Nam tế nhị, sâu sắc và bao gồm yêu quê-hương thiết tha trong một tình nhân loại vững bền. Đọc Quốc Sỹ ta thấy quen thuộc như bất luận một người Việt Nam nào đọc chuyện thần-thiên ma-quỷ đã từng đầy rẫy trong kho văn chương nước nhà.

Nhưng « Sợ lửa » tự nhiên còn có một tầm giá trị vượt nó. Nơi quê hương lời cuốn trong vòng họa-đọa-đầy, truyện cổ-tích ngày một tàn tạ, Quốc Sỹ nhắc ta uống vào một ngọn suối mát thơm bỏ quên trong lau lách, sau khi đã bồi bổ cho ngọn suối đó một nguồn sinh lực mới. Đi xa hơn nữa trong một thế giới đập vùi, « Sợ Lửa » còn chuẩn nhận một nhu cầu, một khuynh hướng dầu bị ngăn chặn nhưng bao giờ cũng hiển hiện : hoặc ngoài xa, vươn lên những cõi diệu huyền cao cả, thoát ly khỏi « thân phận làm người », để trở về cuộc đời với một nụ cười và đầu óc mới.

HÀM THẠCH

GIẢI THƯỞNG VĂN CHƯƠNG NĂM 1956

Cuốn tiểu thuyết *Les racines du ciel* của Romain Gary vừa được giải thưởng Goncourt năm 1956 bằng 8 phiếu bầu trên 10. Đây là một thành tích có thể nói là hãn hữu. Luận đề cuốn sách này đã nói lên

được sự chiến đấu không ngừng cho tự do vào cho nhân loại. Jean Giono bảo đó là cuốn tiểu thuyết hay vì sự biết cách tưởng tượng của tác giả.

Romain Gary năm nay 42 tuổi và hiện tòng sự tại bộ ngoại giao Pháp ở Los Angeles.

Quyền Les racines du ciel đã mang lại cho ông một số tiền 20 triệu quan là 10% bản quyền tác giả của 165.000 cuốn sách được in ra. Ấy là chưa kể bản quyền khi được dịch ra tiếng ngoại quốc.

Ta cũng nên kể từ trước tới nay đã có đến 5 người đã từng được giải Goncourt và được nhận vào hàn lâm viện Pháp, ấy là Claude Farrère Jérôme và Jean Tharaud, Georges Duhamel, Maurice Genevoix. Hai người nữa được vào hàn lâm viện Goncourt là René Benjamin và Philippe Hériat.

Về phái nữ mới thấy có 3 người được giải Goncourt là Elsa Triolet (năm 1944) Béatrix Beck (1952) và Simone de Beauvoir (1954).

—Và giải văn chương Renaudot lần thứ 30 cũng được trao tặng cho André Perrin với cuốn tự truyện Le Père bằng 5 phiếu bầu trên 9.

HỘI LIÊN HIỆP NHỮNG NHÀ VĂN TỰ DO

Gần đây cuộc cách mạng của nhân dân Hung gia Lợi đã gây ra nhiều ảnh hưởng sâu rộng trong giới văn nghệ Pháp.

Nhiều nhà văn có chân trong hội «những văn sĩ quốc gia» đã thôi không chịu vào hội nữa vì lẽ rằng có nhiều văn sĩ thân cộng trong hội này.

Trước tình trạng đó ông Louis Martins Chauffier, nguyên hội trưởng đã đứng lên kêu gọi những nhà văn tự do thành lập hội liên hiệp những văn sĩ tự do.

Hưởng ứng lời kêu gọi mới này đã có trên 30 nhà văn ghi tên gia nhập. Trong số đó có Pierre Emmanuel, Jean Cassou v. v....

Tại Việt Nam, tuy chưa có phản ứng nào rõ rệt trong giới văn nghệ sĩ nhưng văn hóa vụ cũng cố gắng theo dõi tình hình văn nghệ quốc tế bằng cách cho in lại những tài liệu và phân phát trong các buổi họp về đại hội văn nghệ sắp tới.

ĐẠI HỘI TRIỂN LÃM NGHỆ THUẬT QUỐC TẾ LẦN THỨ 28 TẠI VENISE

Triển lãm nghệ thuật thế giới, cứ hai năm một lần tại Venise lại có cuộc gặp gỡ của các họa sĩ, điêu khắc gia các nước với những tác

phẩm tiêu biểu nhất dự thi do sự chọn lựa của một hội đồng giám khảo quốc tế.

Số tiền thưởng trong năm 1956 vừa qua lên tới 13 triệu rưỡi Lires.

Hội năm 1948 đại hội chỉ có 15 nước tham dự. Tới nay thì có tới 34 nước. Trong số này có Việt-Nam. Người ta coi đây là một cuộc triển lãm quan trọng nhất của thế giới nghệ thuật. Vì trên một khu đất rộng mỗi nước có hẳn một phòng lớn để trưng bày và mỗi họa sĩ có thể bày từ 1 tới 30 tác phẩm.

Về hội họa (Peinture) phần thưởng được trao cho Jacques Villon, một họa sĩ lập thể danh tiếng của Pháp năm nay đã 81 tuổi. Chúng ta biết phần thưởng này họa sĩ Braque được năm 1948, Matisse (1950), Dufy (1952), Max Ernst (1954).

Phần thưởng điêu khắc (Sculpture) về tay Lynn Chadwick, điêu khắc gia người Anh với những hình thể diễn đạt được coi là tân kỳ nhất.

Phần thưởng thủ ấn họa (Estampe) về tay Shico Mourakata một họa sĩ Nhật, người đã nói lên tiếng nói của dân tộc với một kỹ thuật mới lạ

Phần thưởng về hình họa (Dessin) về tay một họa sĩ trẻ tuổi xứ Brésil tên là Aldémir Martins. Người ta thấy qua tác phẩm của anh một tình cảm phong phú, một sự thông minh trong một lối vẽ riêng biệt.

Ngoài ra còn nhiều giải thưởng của tỉnh Venise được phân phát cho nhiều họa sĩ khác nữa.

Riêng Việt-Nam có ông Lê-Thy được chính quyền cử đi đại diện với những tấm sơn mài của ông. Nhưng ở thế giới hội họa không hề có ai nhắc nhở đến cả.

TRƯỜNG GIANG

KỊCH :

TỪ NƯỚC NGOÀI ĐẾN NƯỚC MÌNH

Tại Pháp, quê hương của kịch. Giải thưởng Molière 1956 đã được dành cho Maxime Gorki, nhà nhà đạo diễn Sacha Pitoeff và đoàn kịch Théâtre de l'Oeuvre.

Trên sân khấu, tác phẩm Bas Fonds đã được trình diễn lại để nhà đạo diễn Sacha Pitoeff hân hạnh nhận pho tượng bán thân Molière long trọng trao tặng từ tay ông Tổng Trưởng Bộ Nghệ Thuật và Văn Học Pháp.

Sacha Pitoeff đã được nhiệt liệt ngợi khen là người biết làm vinh

dự cho gốc rễ sân khấu của mình với sự nghiệp đã đạt. Nhà đạo diễn nhận giải thưởng Molière 1956 hứa hẹn sẽ luôn cố gắng để được xứng đáng với danh dự tất cả đã dành cho.

Cùng với giải thưởng Molière mùa kịch 1956 - 57 Pháp mở màn. Khoảng 30 công trình sáng tạo mới, bắt đầu được lần lần đưa lên sân khấu và 20 chương trình mùa cũ được đem diễn lại. Người ta thấy có rất ít tác giả mới. Mùa kịch năm nay, giám đốc các đoàn kịch Pháp chú trọng đến những giá trị vững chắc. Nhưng đấy chính là một điều đáng lo ngại. Về phương diện thành công của sân khấu, khán giả đóng vai trò quyết định. Khán giả đợi chờ. Và những chân tài sẽ thành công.

Trở về Việt-Nam chúng ta, lễ trao giải thưởng văn nghệ cho một số soạn giả, diễn viên, ban trình diễn sân khấu... của Văn Hóa vụ tổ chức mới đây cũng chưa làm giàu có được tình trạng nghèo nàn của ngành sân khấu.

Sau việc buông màn khá lâu của đoàn kịch Anh Vũ, tin sân khấu loan truyền một số vở kịch được dựng cho Đại-Hội Văn Nghệ 1956. Nhưng rồi lại im lặng. Khán giả không được xem mà chỉ được nghe một số kịch phóng tác cùng với ít nhiều sáng tác qua các buổi trình diễn kịch ở đài phát-thanh. Sân khấu phụ diễn chiếu bóng, cải lương, cổ truyền, cũng không tươi sáng gì hơn.

Tình trạng trên đã đặt một nhiệm vụ nặng nề cho Ban Thuyết Trình bộ môn sân khấu của Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc sắp họp nay mai.

- Kịch bản
- Diễn xuất
- Quản trị

Ba vấn đề trên, không riêng cho kịch mà chung cho các bộ môn sân khấu, cần phải được giải quyết thích đáng về phương diện lý thuyết.

Và để thực hành, các đêm trình diễn của Đại Hội Văn Hóa, cũng như việc trình diễn sân khấu sau này, nên đem áp dụng lý luận tổng kết được trong Đại Hội nay mai để giải quyết chung cho vấn đề sân khấu Việt-Nam.

Đây là điều trông đợi của ngành kịch, cũng như của các ngành sân khấu khác, ở Đại Hội Văn Hóa Toàn Quốc để cho hoạt động sân khấu nước mình hòa nhịp được với hoạt động sân khấu nước ngoài.

TRẦN LÊ NGUYỄN

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

TRONG NHỮNG SỐ TỚI :

LÊ VĂN SIÊU : Thái độ văn hóa — DUY THANH : Đồng rác —
MẶC ĐỖ : Một nhân vật mới trong tiểu thuyết Âu Mỹ —
NGUYỄN HỮU BA : Cỗ nhạc Việt Nam — MAI THẢO : Các anh
các chị — TRẦN LÊ NGUYỄN : Quán nửa khuya — THANH
TÂM TUYỀN : Nhật ký.

GIỚI THIỆU TÁC PHẨM :

*nhà xuất bản Sáng Tạo giới thiệu cùng bạn đọc những tác phẩm
văn nghệ đã phát hành trong toàn quốc :*

SỢ LỬA

Truyện cổ tích của DOÃN QUỐC SỸ
TÔI KHÔNG CÒN CÔ ĐỘC
Thơ Tự Do của THANH TÂM TUYỀN

NHẠC HỒN THƠ

của TRẦN VIỆT HOÀI

THÁNG GIÊNG CỎ NON

Truyện ngắn của MAI THẢO

HỘP THƯ SÁNG TẠO

Các bạn : Trung Ngô, Kim Lân và Ngọc Sứng, Thái anh Quân, Hoa
Lư, Từ thăm Lệ, Đinh Giang, Trần duy Hình, Văn Quý, Nguyễn đình Thanh,
Đinh phương Quân và Thạch Chân, Nguyễn giang Sơn, Hoàng ngọc Liên,
Toàn Chơn, M. T., Thạch Chương, Hoàng Thảo, Song Hồ, Nguyễn
trường Anh, Hoàng Sa, Trần Hữu.

- Đã nhận được thơ và văn của các bạn. Đang xem.
- LAN ĐÌNH : Đã nhận được thư, tiểu thuyết và thơ. Sẽ trả lời bằng
thư riêng.
- VƯƠNG ĐỨC LỆ : Cứ tiếp tục cố gắng sáng tác. Viết thư luôn
về cho Tòa Soạn.
- Bạn BÙI HỮU NGHĨA : Chân thành cảm tạ.
- TỪ ANH TUẤN : Sẽ trả lời bằng thư riêng.
- Bạn NGUYỄN TRƯỜNG SƠN : Nhận được bài và đang xem. Sao
không lại chơi Tòa Soạn ?
- THI THI Phan Thiết : Đã nhận được thư. Cứ tiếp tục cho biết tin tức
về Sáng Tạo. Cám ơn nhiều lắm.
- NGUYỄN NGÂN VŨ : Đã nhận được và đã chuyển đi. Về bản nhạc,
đã chuyển sang nhà Tinh Hoa nhưng chưa biết kết quả.

TẠP CHÍ VĂN NGHỆ SÁNG TẠO

Trang trọng giới thiệu với bạn đọc

SÁNG TẠO SƠ MÙA XUÂN

**sẽ phát hành toàn quốc
vào Hạ Tuân tháng Chạp âm lịch**

Giai Phẩm Đặc Biệt này

*Giấy 100 trang - Bìa 3 màu - do họa sỹ Duy Thanh minh
họa và phụ trách phần trình bày mỹ thuật*

**SẼ GỒM TOÀN SÁNG TÁC MỚI NHẤT CỦA NHỮNG
NHÀ VĂN NHÀ THƠ SAU ĐÂY :**

**DOÃN QUỐC SỸ — TẠ TỶ — THANH TÂM TUYỀN
TRẦN THANH HIỆP — ĐÌNH HÙNG — NGUYỄN SỸ TẾ
VU HOÀNG CHƯƠNG — MẶC ĐỒ — THANH NAM
VĨNH LỘC — TÔ KIỀU NGÂN — MAI THẢO — VU KHẮC
KHOAN — DUY THANH — NGUYỄN SA — THÁI TUẤN
QUÁCH THOẠI — LƯU HỒ — TRẦN LÊ NGUYỄN.**

*Mỗi sáng tác đều có kèm theo một bức phác họa
chân dung tác giả của Duy Thanh*

SÁNG TẠO SƠ MÙA XUÂN

Một Tập Sách Quý

chan hòa không khí Sáng Tạo tung bừng. Một tin vui văn nghệ
kết thúc mùa văn nghệ 56 mở đầu kỷ nguyên văn nghệ 57.

**SẼ XỨNG ĐÁNG VỚI LÒNG TIN YÊU MÀ BẠN ĐỌC
ĐÃ DÀNH CHO SÁNG TẠO TỪ TRƯỚC ĐẾN NAY**

Ấn-quán NGUYỄN - TRUNG - THÀNH số 55, đường Phát-Diệm — SAIGON

